

UBND TỈNH LONG AN
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SYT

Long An, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2024

SỞ Y TẾ TỈNH LONG AN

Căn cứ Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 12537/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-SYT ngày 18/01/2024 về việc Ban hành chương trình hành động của Sở Y tế tỉnh Long An năm 2024;

Xét đề nghị của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc trên địa bàn tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2024 của đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hoạt động y tế năm 2024 do các đơn vị trực thuộc xây dựng (đính kèm kế hoạch của các đơn vị).

Điều 2. Giao Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch hoạt động y tế năm 2024 đạt hiệu quả.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Nghiệp vụ, phòng Tổ chức - Hành chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Minh Phúc

DANH SÁCH ĐƠN VỊ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng 4 năm 2024 của Sở Y tế, Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch năm 2024)

STT	Đơn vị	Kế hoạch, Chương trình hành động	Ghi chú
1	TTYT TP Tân An	Tờ trình số 403/TTr-TTYT ngày 13/3/2024 về việc phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội năm 2024 trong lĩnh vực Y tế; Chương trình hành động số 158/KH-TTYT ngày 29/01/2024 của Trung tâm Y tế thành phố Tân An; Tờ trình số 403/TTr-TTYT ngày 13/3/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động y tế năm 2024; Kế hoạch số 282/KH-TTYT ngày 27/02/2024 của Trung tâm Y tế thành phố Tân An.	
2	TTYT Tân Trụ	Kế hoạch Số 130/KH-TTYT ngày 23/01/2024 Kế hoạch hoạt động TTYT năm 2024; Quyết định số 194/QĐ-TTYT ngày 01/02/2024 Quyết định về việc ban hành chương trình hành động năm 2024	
3	TTYT Châu Thành	Tờ trình số 337/TTr-TTYT ngày 12/3/2024 về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động của TTYT huyện Châu Thành năm 2024; Kế hoạch số 316 /KH-TTYT ngày 07/3/2024 của TTYT huyện Châu Thành về việc thực hiện Kế hoạch hoạt động của TTYT huyện Châu Thành năm 2024,TỜ TRÌNH số 336/TTr-TTYT ngày 12/3/2024 về việc phê duyệt Chương trình hành động Ngành y tế thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH TTYT huyện Châu Thành năm 2024; Chương trình số 230/Ctr-TTYT ngày 23/02/2024 của TTYT huyện Châu Thành Chương trình hành động Ngành y tế thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH của TTYT huyện Châu Thành năm 2024.	
4	TTYT Thạnh Hoá	Kế hoạch số 124/KH-TTYT ngày 30/01/2024 của Trung tâm Y tế Thạnh Hóa về Hoạt động Trung tâm Y tế Thạnh Hóa năm 2024	
5	TTYT Tân Thạnh	Tờ trình số 206/TTr-TTYT ngày 02/2/2024 về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động của TTYT huyện Tân Thạnh năm 2024; Kế hoạch số 203 /KH-TTYT ngày 01/2/2024 của TTYT huyện Tân Thạnh về việc thực hiện kế hoạch hoạt động của TTYT huyện Tân Thạnh năm 2024, Công văn số 261/TTYT-KHNV ngày 22/2/2024 của TTYT huyện Tân Thạnh về việc Ban hành chương trình hành động của TTYT huyện Tân Thạnh năm 2024. QĐ ban hành Chương trình hành động số 21/QĐ-TTYT ngày 22/02/2024 của Trung tâm Y tế huyện Tân Thạnh	
6	TTYT Bến Lức	QĐ Số 296/QĐ-TTYT ngày 11/3/2024 về việc phê duyệt chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội	

8	TTYT TX Kiến Tường	Tờ trình số 233/TTr-TTYT ngày 15/3/2024, Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động y tế năm 2024 và Kế hoạch triển khai chương trình hành động năm 2024; Kế hoạch hoạt động y tế số 93 /KH-TTYT ngày 23 tháng 01 năm 2024, Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Trung tâm Y tế thị xã Kiến Tường số 1331/KH-TTYT ngày	
9	TTYT Tân Hưng	Tờ trình số 189/TTr-TTYT ngày 06/02/2024 về việc phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội năm 2024 trong lĩnh vực Y tế; Chương trình hành động số 188/CTr-TTYT ngày 06/2/2024 của Trung tâm Y tế huyện Tân Hưng; Tờ trình số 140/TTr-TTYT ngày 24/01/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động y tế năm 2024; Kế hoạch số 127/KH-TTYT ngày 19/01/2024 của Trung tâm Y tế huyện Tân Hưng.	
10	TTYT Vĩnh Hưng	Tờ trình số 280/TTr-TTYT ngày 19/3/2024, Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động và Chương trình hành động ngành Y tế Vĩnh Hưng năm 2024; Kế hoạch số 201 /KH-TTYT ngày 04 tháng 03 năm 2024, Chương trình hành động số 251/CTrHĐ-TTYT ngày 11/03/2024 của Trung tâm Y tế Vĩnh Hưng	
11	TTYT Mộc Hoá	Tờ trình số 320/TTr-TTYT ngày 25/3/2024, Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động và Chương trình hành động ngành Y tế Mộc Hoá năm 2024; Kế hoạch số 151 /TTYT-KHNV ngày 02 tháng 02 năm 2024, Chương trình hành động số 160/TTYT-KHNV ngày 06/02/2024 của Trung tâm Y tế Mộc Hoá	
12	TTYT Cần Đước	QĐ số 104/QĐ-TTYT ngày 22/01/2024 về việc ban hành chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024; Kế hoạch hoạt động số 208/KH-TTYT ngày 20/02/2024	
13	TTYT Cần Giuộc	Tờ trình số 405/TTr-TTYT ngày 26/3/2024, Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động và Chương trình hành động Trung tâm Y tế huyện Cần Giuộc năm 2024; Kế hoạch số 203/KH-TTYT ngày 20 tháng 02 năm 2024, Chương trình hành động số 402/CTr-TTYT ngày 25/03/2024 của Trung tâm Y tế Cần Giuộc	
14	TTYT Đức Huệ	Công văn số 267/CV-TTYT ngày 28/02/2024 V/v phê duyệt Kế hoạch thực hiện chức năng, nhiệm vụ TTYT huyện Đức Huệ năm 2024	
15	TTYT Đức Hoà	Tờ trình số 401/Ttr-TTYT ngày 25/3/2024 về việc phê duyệt Chương trình hành động số 327/CTr-TTYT ngày 14/3/2024 của Trung tâm Y tế Đức Hòa . Tờ trình số 402/Ttr-TTYT ngày 25/3/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động y tế số 328/KH-TTYT ngày 14/2/2024 của Trung tâm Y tế Đức Hòa	
16	Bệnh viện ĐKLA	Kế hoạch số 6028/KH-BVTT-KHTH ngày 29/12/2023 Kế hoạch hoạt động Bệnh viện Đa khoa Long An năm 2024	

17	Bệnh viện Phổi	Tờ trình số 102/TTr-BVP ngày 07/02/2024, Phê duyệt kế hoạch Hoạt động Bệnh viện năm 2024. Tờ trình số 133/TTr-BVP ngày 27/02/2024 của Bệnh viện Phổi về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động phòng chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản trên địa bàn tỉnh năm 2024. Kế hoạch số 132/KH-BVP ngày 23/02/2024 Kế hoạch hoạt động phòng chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản trên địa bàn tỉnh năm 2024. Tờ trình số 158/TTr-BVP ngày 07/03/2024, Phê duyệt kế hoạch Phòng, chống lao năm 2024	
18	Bệnh viện YHCT	Kế hoạch số 63/KH-BV ngày 30 tháng 01 năm 2024 Kế hoạch hoạt động Bệnh viện Y học cổ truyền năm 2024	
19	Bệnh viện Tâm Thần	Kế hoạch số 65/KH-BVTT-KHTH ngày 6 tháng 02 năm 2024 Kế hoạch hoạt động Bệnh viện Tâm Thần năm 2024	
20	TT GDYK	Kế hoạch số 51/KH-GDYK ngày 05/01/2024 Kế hoạch hoạt động Trung tâm GDYK năm 2024	
21	TT KSBT	Bao cáo số 164/BC-KSBT về báo cáo Hoạt động chương trình y tế năm 2023 và phương hướng hoạt động trọng tâm năm 2024 của Trung tâm KSBT	
22	Chi Cục Dân số	Kế hoạch số 147/KH-CCDS ngày 03/4/2024 Kế hoạch Hoạt động công tác Dân số năm 2024	
23	Chi Cục ATVSTP	Kế hoạch số 53/KH-ATTP ngày 24/01/2024 Kế hoạch Hoạt động công tác an toàn thực phẩm năm 2024	
24	TT Pháp Y	Kế hoạch số 53/KH-TTPY ngày 05 tháng 02 năm 2024 Kế hoạch hoạt động Trung tâm Pháp Y năm 2024	
25	BV ĐKKV Đồng Tháp Mười	Kế hoạch 85_KH-BVĐTM_01-02-2024_Kế hoạch 2024 và Quyết định số 87_QĐ-BVĐTM_01-02-2024_QĐ Ban hành chương trình hành động 2024	
26	BV ĐKKV Hậu Nghĩa	Kế hoạch số 29/KH-BVHN ngày 05 tháng 01 năm 2024 Kế hoạch hoạt động Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hậu Nghĩa năm 2024	
27	BV ĐKKV Cần Giuộc	Kế hoạch số 99/KH-BVCG ngày 01 tháng 02 năm 2024 Kế hoạch hoạt động Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cần Giuộc năm 2024	

Số: /QĐ-TTYT

Cần Đước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hành động
thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực Y tế năm 2024**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẦN ĐƯỚC

Căn cứ Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2744/QĐ-SYT ngày 28/9/2023 của Sở Y tế Long An về việc phân công viên chức phụ trách điều hành Trung tâm Y tế huyện Cần Đước;

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này gồm:

- Chương trình hành động góp phần thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực Y tế năm 2024.
- Giao nhiệm thực hiện các chỉ tiêu Y tế năm 2024 (các phụ lục 1,2,3 kèm theo trong chương trình hành động).

Điều 2. Trưởng các khoa, phòng, ban khẩn trương triển khai và xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể của khoa, phòng để tổ chức thực hiện các nội dung đảm bảo chất lượng, hiệu quả chương trình và nhiệm vụ thuộc lĩnh vực y tế.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Tài chính – Kế toán, Kế hoạch – Nghiệp vụ, TTYT Cần Đước cơ sở 2 các khoa, phòng, các TYT xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Khoa, phòng trực thuộc;
- TTYT huyện Cần Đước cơ sở 2;
- Các TYT xã;
- Lưu: VT, TCHC, KHNV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Văn Công Mẫn

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện kế hoạch phát triển Kinh tế xã hội năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTĐT ngày / /2024 của TTĐT huyện Cần Đước)

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

Căn cứ kết quả hoạt động năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Cần Đước.

Trung tâm Y tế huyện Cần Đước xây dựng chương trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội lĩnh vực Y tế như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Đảm bảo sự tập trung, thống nhất, đồng bộ trong việc quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện nội dung kế hoạch phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực Y tế năm 2024; nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch đề ra.

2. Yêu cầu:

- Triển khai đạt hiệu quả cao các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2024 thuộc lĩnh vực Y tế, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, chấp hành theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, Nghị quyết Huyện ủy, HĐND huyện, gắn kết chặt chẽ việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024, 05 năm 2021-2025 với Quy hoạch nhằm đảm bảo lộ trình, kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

- Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19.

- Thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024 lĩnh vực Y tế đồng thời với thực thi đồng bộ các cơ chế, chính sách, pháp luật, chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, cụ thể hóa và vận dụng có hiệu quả vào công tác quản lý, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ hàng năm của ngành, địa phương.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các Khoa, phòng trong chấp hành phân công, phân cấp, kỷ cương kỷ luật, tăng cường phối hợp thực hiện đạt kết quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể.

B. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU:

1. Tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình Mục tiêu y tế dân số, quan tâm việc bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm; đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các loại hình chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân số, sức khỏe sinh sản. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, vận động sinh đủ 2 con, không sinh con thứ ba trở lên. Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm tỷ lệ bệnh tật, giảm tử vong, tăng tuổi thọ và số năm trung bình sống khỏe mạnh.

2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở:

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra; ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp; cải thiện công tác phòng, chống HIV/AIDS. Tăng cường năng lực y tế cơ sở nhằm phát huy vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, từng bước thực hiện để tiến tới mọi người dân đều được theo dõi, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ.

- Tiếp tục thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 trong giai đoạn mới, đảm bảo đúng theo hướng dẫn của Bộ Y tế về việc cách ly y tế tập trung, tại gia đình, tại doanh nghiệp và tại cơ sở khám chữa bệnh theo quy định hiện hành đến khi có hướng dẫn mới của Ban chỉ đạo Quốc gia. Đảm bảo cơ sở vật chất, nhân lực để chủ động thực hiện lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc Covid-19 ngay tại Trung tâm Y tế huyện, đảm bảo yêu cầu sàng lọc kỹ, nhanh để phân loại quản lý phù hợp, tránh lây lan ra cộng đồng. Tổ chức điều trị đúng phác đồ của Bộ Y tế và kiểm soát từ phân luồng đến cách ly. Kiểm soát được lây nhiễm trong cơ sở khám chữa bệnh. Đẩy mạnh thực hiện khai báo y tế trên ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử, PC-Covid, gắn với việc sử dụng dữ liệu thu thập được phục vụ công tác phòng, chống dịch và nâng cao hiệu quả công tác y tế dự phòng của địa phương.

- Phát triển y học gia đình. Chú trọng y tế dự phòng, nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật. Đẩy mạnh quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở.

3. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, cải tiến nâng cao chất lượng bệnh viện liên tục:

- Duy trì hệ thống khám, chữa bệnh trong huyện, củng cố mạng lưới y tế trên địa bàn huyện cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội, đáp ứng kịp thời nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân và định hướng bắt kịp công nghệ y học tiên tiến; tăng cường luân phiên cán bộ y tế, chuyên gia kỹ thuật cho tuyến dưới theo Kế hoạch chỉ đạo tuyến, chuyển giao kỹ thuật, luân phiên cán bộ và Đề án 1816 hàng năm.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh. Thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

4. Đẩy mạnh phát triển ngành dược và thiết bị y tế:

- Tiến hành đánh giá thực trạng và nhu cầu trang thiết bị tại cơ sở y tế để xây

dựng kế hoạch điều chuyển trang thiết bị đáp ứng nhu cầu nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả.

- Bảo đảm thuốc đủ về số lượng, tốt về chất lượng, đáp ứng nhu cầu phòng, chữa bệnh cho người dân. Đảm bảo công khai, minh bạch trong đầu tư, mua sắm thuốc, trang thiết bị y tế.

5. Nguồn nhân lực y tế:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tình hình mới.

- Tăng cường công tác đào tạo nhân lực y tế, đáp ứng yêu cầu cả về y đức và chuyên môn. Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện các chính sách thu hút, khuyến khích người có trình độ chuyên môn về công tác tại huyện.

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

6. Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế:

- Triển khai có hiệu quả chương trình Chính phủ điện tử trong lĩnh vực y tế, đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin góp phần đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

- Triển khai hồ sơ sức khỏe cá nhân điện tử để tiến tới mọi người dân đều được theo dõi, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe liên thông toàn quốc qua bệnh án điện tử.

7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra về lĩnh vực Y tế năm 2024 gồm các cuộc kiểm tra, giám sát TTYT huyện Cần Đức cơ sở 2 và các TYT xã nhất là việc sử dụng quỹ khám chữa bệnh BHYT.

- Phối hợp liên ngành tiếp tục tiến hành thanh kiểm tra việc chống nhập lậu, kinh doanh trái phép, ngăn chặn, xử lý hàng (thuốc; thực phẩm chức năng) kém chất lượng trong Y tế và việc thực hiện các quy chế chuyên môn về Y, dược, thanh kiểm tra về kê khai giá, niêm yết giá thuốc.

- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động dịch vụ Dân số - KHHGD (lựa chọn giới tính thai nhi...).

Trên đây là Chương trình hành động góp phần thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Cần Đức thuộc lĩnh vực y tế. Trung tâm Y tế huyện triển khai đến các cơ quan, ngành, UBND huyện, các xã, các đơn vị trực thuộc nắm biết, thực hiện; kính gửi Văn phòng UBND huyện, Phòng Kế hoạch và tài chính theo dõi, tổng hợp.

Phụ lục 1: Chỉ tiêu Y tế năm 2024

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Năm 2024	Ghi chú
1	Bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ	2,2	
2	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	≤ 5	
3	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	96,8	
4	Giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh	số bé trai/ bé gái	$\leq 104/100$	
5	Mức giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên	%		
6	Củng cố và duy trì 17/17 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	xã	17	
7	Phấn đấu mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đủ điều kiện sinh đủ 02 con	%	61,64	
8	Các chương trình Y tế quốc gia	Chương trình	Tốt	
9	Tỷ lệ tham gia BHYT toàn dân	%	$\geq 96,5$	

**Phụ lục 2: Chỉ tiêu Khám chữa bệnh của TTYT huyện Cần Đức (hệ điều trị)
năm 2024**

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	224.200
Số BN nội trú	5.320
Số ngày điều trị nội trú	37.400
Công suất sử dụng giường bệnh	≥60
Tổng số X-quang	15.000
Tổng số siêu âm	11.000
Tổng số điện tim	8.000
Tổng số nội soi	300
Tổng số XN	110.000

Phụ lục 3: Chỉ tiêu Khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Cần Đức cơ sở 2 và các TYT xã năm 2024

1. Trung tâm Y tế huyện Cần Đức cơ sở 2:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	19.900
Số BN nội trú	960
Số ngày điều trị nội trú	6.560
Công suất sử dụng giường bệnh	>60
Tổng số X-quang	310
Tổng số siêu âm	160
Tổng số điện tim	1.150
Tổng số XN	3.510

2. Các trạm Y tế xã:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	80.000

Số: /KH-TTYT

Cần Đước, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Hoạt động năm 2024

Căn cứ vào:

- Quy chế bệnh viện do Bộ Y tế ban hành ngày 19/9/1997;
- Báo cáo tổng kết của Trung tâm Y tế huyện Cần Đước năm 2023;
- Mô hình bệnh tật của địa phương;
- Thực trạng về nguồn lực của Trung tâm Y tế huyện Cần Đước.

Trung tâm Y tế huyện Cần Đước xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

1. Tình hình về nhân sự:

Trong những năm vừa qua Trung tâm Y tế huyện Cần Đước đã có những chính sách thu nhận cán bộ chuyên môn nhưng vẫn còn thiếu cả về lượng và về chất.

- Lực lượng bác sĩ vẫn còn ít, các bác sĩ phải kiêm nhiệm nhiều vị trí, mỗi ngày mỗi bác sĩ phải khám trên dưới 70 bệnh nhân ngoại trú hoặc gần 20 bệnh nhân nội trú. Các bác sĩ chuyên khoa còn thiếu (BS chuyên khoa RHM, Chẩn đoán hình ảnh, chuyên khoa Ngoại, chuyên khoa Gây mê – Hồi sức...).

- Điều dưỡng: vẫn còn một số điều dưỡng sơ cấp, không được đào tạo chính qui.

- Viên chức làm công tác dự phòng đa số chưa qua đào tạo về chuyên ngành YTDP. Tuy nhiên đa số đều có tinh thần thái độ công tác tốt trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tinh thần thái độ phục vụ cũng còn một số nơi chưa thật sự được sự hài lòng của người bệnh, nhưng đại đa số nhân viên Trung tâm Y tế đều có tinh thần phục vụ tốt, không có thái độ phân biệt đối xử đối với bệnh nhân bảo hiểm y tế mặc dù đối tượng này luôn chiếm đa số trong toàn thể bệnh nhân khám ngoại trú và điều trị nội trú.

- Công tác nhân sự: Biên chế Trung tâm Y tế huyện Cần Đước còn thiếu quá nhiều so với thông tư 08 thực tế nguồn nhân sự hiện tại 276/346 thiếu 70 biên chế (đang đào tạo tập trung 05, hiện đang công tác 271). Hiện tại tuyến huyện còn thiếu nhiều chức danh bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa như: bác sĩ chuyên khoa

Ngoại, bác sĩ Gây mê hồi sức, Răng hàm mặt, Mắt ...chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao.

Bác sĩ khối dự phòng hiện chỉ mới tuyển được 02 bác sĩ YTDP, đa số cán bộ YTDP chưa có đào tạo chuyên về dự phòng.

Bác sĩ tại các xã chưa phủ kín 100% hiện còn 06 xã chưa có biên chế bác sĩ mà chỉ có tăng cường từ xã khác: Long Định, Long Cang, Tân Trạch, Mỹ Lệ, Tân Chánh và Phước Tuy.

+ Vẫn còn một số viên chức sơ cấp (04 biên chế chuyên môn sơ cấp). Lực lượng này theo thông tư 41 của Bộ Y tế về khám chữa bệnh thì không bố trí trực tiếp làm công tác chuyên môn.

- Do biên chế thiếu nên khi đưa đi đào tạo một người phải gồng gánh 2 - 3 lần công việc, cùng một lúc không thể sắp xếp đưa đi chuẩn hóa được nên chất lượng phục vụ chưa cao.

- Đa số các cán bộ quản lý chưa được đào tạo về quản lý.

- Về công tác bảo vệ cơ quan: Lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp chỉ đảm nhận một phần công việc. Khuôn viên rộng nên công tác phòng ngừa còn hạn chế.

- Về công tác đoàn thể: cán bộ làm công tác đoàn thể đa số là người mới chưa có kinh nghiệm nên công tác tổ chức và tập hợp quần chúng còn một số hạn chế.

2. Tình hình cơ sở vật chất:

- Cơ sở mới được đầu tư hoàn chỉnh. Hầu hết các khoa phòng đều rộng rãi và đủ công năng để làm việc.

- Một số khoa chưa được triển khai do chưa đủ nhân lực và trang thiết bị như khoa Ngoại, khoa Phẫu thuật – GMHS, khu nội trú Liên chuyên khoa.

- Về cây cảnh: nguồn đất trồng cây của bệnh viện là nguồn cát lấp dày 2m không thuận lợi cho cây cối phát triển. Nguồn nước ngầm thiêu không đủ tưới cây cho mùa khô. Điều này làm cho măng xanh của bệnh viện dần bị xuống cấp.

3. Tình hình địa lý - kinh tế - văn hóa - xã hội:

- Là huyện nằm trên trục Quốc lộ 50, cách TP.HCM khoảng 30 km, có 2 tuyến xe bus đi qua nên khả năng tiếp cận về y tế của người dân đối với tuyến trên (đặc biệt là TP. HCM) cũng rất lớn.

- Là huyện đông dân đứng thứ II trong tỉnh nên lượng bệnh nhân đăng ký khám chữa bệnh BHYT cũng khá đông.

4. Tình hình khám chữa bệnh:

- Lượng bệnh trung bình tại khoa Khám bệnh là trên dưới 500 lượt bệnh mỗi ngày. Trong đó trên 90% là bệnh nhân bảo hiểm y tế. Tuy nhiên trong thời gian gần đây do tình hình sau dịch bệnh nên số lượt khám chữa bệnh chưa tăng như trước đây.

- Bệnh nội trú đạt công suất thấp (do ảnh hưởng sau dịch Covid-19). Gần đây có xu hướng tăng trở lại.

II. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu tổng quát:

Chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tốt hơn so với năm 2022. Cụ thể là:

- Không để dịch bệnh xảy ra. Trong đó bao gồm dịch Sốt xuất huyết, Tay chân miệng không để xảy ra. Đặc biệt là Covid-19 phải được khống chế nếu có ca mắc.

- Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đã được đầu tư, thuốc men phục vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu cho nhân dân trên địa bàn.

- Đáp ứng một cách cơ bản nguồn nhân lực y tế cho các hoạt động phòng chống dịch bệnh và khám chữa bệnh.

- Phục vụ ngày một tốt hơn người bệnh đến khám và điều trị tại bệnh viện.

- Đảm bảo nguồn thu nhằm tạo cho nhân viên y tế có thu nhập tăng thêm.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Trung tâm Y tế đạt loại tốt.

- Duy trì và củng cố 17 xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2024.

- Thực hiện 17/17 TYT xã có bác sĩ khám chữa bệnh ít nhất 02 buổi trong tuần theo qui định của Bộ Y tế. Củng cố hoạt động cho Cơ sở 2 để phục vụ nhân dân tốt hơn đặc biệt sau khi cơ sở mới đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Phấn đấu 100% các chương trình y tế quốc gia đạt loại tốt.

- Khống chế không để dịch bệnh xảy ra.

- Tăng cường truyền thông – giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức người dân góp phần tham gia phòng chống dịch bệnh và thực hiện các chương trình CSSK.

- Giám sát tình hình ô nhiễm môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tham mưu lãnh đạo các cấp giải quyết nhằm ngăn chặn dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm có thể xảy ra.

- Triển khai hoạt động Vệ sinh an toàn lao động nhằm quản lý sức khỏe công nhân lao động tại các khu công nghiệp, cơ sở, xí nghiệp... phòng tránh bệnh nghề nghiệp.

- Tăng 1% số lượt khám bệnh so với năm 2023.

- 100% các khoa phòng thực hiện tốt các qui chế chuyên môn. Duy trì kết quả đã đạt được trong năm 2023. Khắc phục những thiếu sót còn tồn tại được ghi nhận trong đợt kiểm tra cuối năm của Sở Y tế.

- Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị văn phòng và trang thiết bị mà Dự án xây dựng bệnh viện và Dự án xây dựng khối YTDP đã đầu tư cho hoạt động của Trung tâm Y tế. Phát huy triệt để các lợi ích vốn có của phần mềm quản lý tổng thể bệnh viện (khám kê đơn, báo cáo thống kê, thu viện phí, kết xuất biên lai viện phí và kết nối liên thông tốt với phần mềm giám định của BHXH...).

- Tổ chức sắp xếp lại nhân sự cho các khoa phòng. Tuyển dụng thêm một số bác sĩ và điều dưỡng theo kế hoạch để giảm bớt quá tải về công việc và chuẩn bị cho công tác đào tạo dự nguồn cho bệnh viện.

- Phần đầu giảm mức 1 trong bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện còn 01.

- 100% các tổ chức chính trị đạt trong sạch vững mạnh.

- Hoàn thiện hơn nữa việc thực hiện về tự chủ tài chính trong các đơn vị có thu nhằm nâng cao công tác điều trị và cải thiện đời sống cán bộ viên chức của Trung tâm Y tế. Thực hiện tốt việc thu viện phí theo Quy định của Bộ Y tế.

III. CÁC CHỈ TIÊU:

A. Các chỉ tiêu Y tế năm 2024

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Năm 2024	Ghi chú
1	Bác sĩ/vận dân	Bác sĩ/vận dân	3	
2	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi):	%	≤ 5	
3	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	96,8	
4	Giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh	số bé trai/ bé gái	$\leq 104/100$	
5	Mức giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên	%	0,01	
6	Củng cố và duy trì 17/17 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	xã	17	
7	Phần đầu mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đủ điều kiện sinh đủ 02 con	%	61,64	
8	Các chương trình Y tế quốc gia	Chương trình	Tốt	
9	Tỷ lệ tham gia BHYT toàn dân	%	$\geq 96,5$	

B. Hệ Dự phòng: (Phụ lục 1)

C. Khám chữa bệnh: (Phụ lục 2)

IV. GIẢI PHÁP VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

- Tăng cường công tác giám sát. không để xảy ra dịch lớn đối với các bệnh có nguy cơ gây dịch: cúm liên quan gia cầm, sốt xuất huyết, tiêu chảy cấp nguy hiểm, tả, viêm não...và đặc biệt là Covid-19; sẵn sàng các phương tiện, thuốc men cho công tác phòng chống dịch nếu xảy ra.

- Tập huấn nâng cao kiến thức về giám sát, điều tra xử lý dịch; theo chế độ khai báo, thông tin, báo cáo bệnh truyền nhiễm theo Thông tư 48/TT-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ Y tế.

- Phối hợp liên ngành triển khai thực hiện có hiệu quả các mặt công tác vệ sinh như: vệ sinh môi trường, vệ sinh lao động, y tế học đường và công tác phòng chống thiên tai thảm họa...

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế.

- Thực hiện công tác thống kê, dự báo dịch chính xác, kịp thời.

- Kiểm tra các nguồn thực phẩm lưu hành trên thị trường nhằm hạn chế ngộ độc hàng loạt, phối hợp với ngành nông nghiệp, bảo vệ thực vật vận động nhân dân sử dụng hóa chất thuốc trừ sâu đúng qui trình cho phép.

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc bệnh nhân. Chú trọng y đức trong công tác phục vụ bệnh nhân. Nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Triển khai các kỹ thuật mới trong khám chữa bệnh. Nắm bắt cơ hội tiếp nhận sự chuyên giao kỹ thuật trong các lĩnh vực chuyên khoa.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các qui chế bệnh viện vào mỗi cuối tháng:

+ củng cố về tổ chức và cơ cấu đoàn kiểm tra cuối tháng của bệnh viện.

+ Thực hiện kiểm tra và đánh giá mọi mặt công tác của các khoa phòng (đặc biệt là việc thực hiện nghiêm ngặt các qui chế của bệnh viện) để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

+ Phổ biến và tuyên truyền rộng rãi Luật Khám chữa bệnh, Luật BHYT sửa đổi trong toàn thể cán bộ công chức.

- Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các tiêu chuẩn về y đức trong toàn thể cán bộ công chức viên chức:

+ Phát động các phong trào thi đua học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

+ Dựa vào tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên để phát động các phong trào thi đua ngắn ngày gắn liền với các ngày lễ lớn trong năm (ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2, kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/02, ngày sinh Bác Hồ 19/5, ngày Quốc khánh 2/9...

- Duy trì sinh hoạt khoa học kỹ thuật hàng tháng trong bệnh viện, tổ chức bình bệnh án và bình toa thuốc ít nhất mỗi tháng một lần:

+ Chọn 01 ngày cố định trong tháng để thực hiện việc báo cáo các vấn đề khoa học mới cập nhật, bình bệnh án, bình toa thuốc, báo cáo các đề tài nghiên cứu khoa học trong năm...

+ Tạo thói quen nghiên cứu khoa học trong đội ngũ thầy thuốc và điều dưỡng bằng cách trao chỉ tiêu đề tài nghiên cứu cho các khoa phòng.

- Sử dụng hiệu quả những trang thiết bị do Dự án xây dựng bệnh viện và Dự án xây dựng khối YTDP đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu chẩn đoán và điều trị ngày càng cao của nhân dân địa phương:

+ Kiểm tra thường xuyên việc quản lý, bảo quản, sử dụng các trang thiết bị sẵn có của các khoa.

+ Dựa vào nguồn nhân lực, trang thiết bị hiện có triển khai một số kỹ thuật mới trong năm 2024 kể cả lâm sàng và cận lâm sàng (đặc biệt triển khai hệ ngoại khoa và chẩn đoán hình ảnh).

- Tổ chức sơ kết hoạt động hàng quý để các khoa phòng có thể nhìn lại các hoạt động của khoa phòng mình để có hướng phấn đấu trong quý sau:

+ Qui định hàng quý các khoa phải sơ kết được công tác của khoa mình và hướng tới sẽ làm gì để duy trì các mặt làm được và khắc phục những mặt còn thiếu sót.

+ Dựa vào những vấn đề còn tồn tại mà Trung tâm Y tế sẽ điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

- Cân đối nguồn thu để trang bị thêm các thiết bị văn phòng. một số trang thiết bị y tế cần thiết:

+ Bằng nguồn quỹ có được cần xem xét đầu tư về trang thiết bị cần thiết.

+ Tranh thủ sự quan tâm của Huyện ủy, UBND huyện và Sở Y tế để đầu tư về trang thiết bị y tế.

- Tổ chức lại qui trình thu viện phí nhằm tránh thất thu trong bệnh viện:

+ củng cố và hoàn thiện phần mềm Quản lý bệnh viện để tránh thất thu.

+ Tổ chức nhân sự thật phù hợp trong công tác thu viện phí.

- Thực hiện tốt tinh thần chống lãng phí trong chi tiêu và mua sắm:

+ Tất cả các mua sắm TTB y tế và TTB thông thường đều phải thực hiện đúng qui trình nhằm đảm bảo chất lượng và giá cả hợp lý.

+ Phát động tinh thần thi đua sử dụng và bảo quản tốt các trang thiết bị đã được trang bị.

- Tuyển dụng thêm và bố trí lại cho thật phù hợp lực lượng bác sĩ, điều dưỡng và nữ hộ sinh cho các khoa trong Trung tâm Y tế theo chỉ tiêu của SYT:

- + Tuyển dụng và đào tạo các bác sĩ để bố trí đủ các vị trí.
- + Tuyển dụng thêm nhiều vị trí ĐD và bố trí đào tạo nhân lực phục vụ cho nhiều kỹ thuật mới sẽ được triển khai.
- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT.
- củng cố công tác quản lý dược, công tác bảo quản chất lượng thuốc, cung ứng thuốc đặc biệt thực hiện tốt công tác dược lâm sàng.
- Phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn lực y tế.
- Chuẩn hoá đội ngũ cán bộ y tế và chất lượng phục vụ. Tổ chức các khoá đào tạo liên tục tại bệnh viện và cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo ở tuyến trên.
- Trang bị cho các trạm y tế một số trang thiết bị cần thiết cho công tác chẩn đoán và điều trị song song với đào tạo ngắn hạn hoặc thực hiện Đề án 1816.
- Sử dụng hiệu quả trang thiết bị y tế để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị.
- Đảm bảo những qui định tài chính trong sử dụng nguồn kinh phí.
- Nâng cao chất lượng kế hoạch và công tác giám sát nhằm đảm bảo kế hoạch của các khoa phòng và TYT được thực hiện tốt. Tổ chức sơ kết, tổng kết hàng quý, 6 tháng, năm để đánh giá đúng tiến độ của kết quả thực hiện kế hoạch.
- Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban thanh tra nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội.

1. Thực hiện các chương trình y tế quốc gia (dự phòng):

a. Chương trình phòng chống dịch:

- Tiếp tục tăng cường hoạt động phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm thực hiện giám sát phát hiện sớm ca mắc, ổ dịch để khoanh vùng, cách ly, điều tra, xác minh kịp thời, hạn chế tối đa lây lan ngoài cộng đồng.
- Dự phòng, ngăn chặn, cảnh báo sớm, giám sát chặt chẽ và đáp ứng kịp thời với các bệnh dịch nguy hiểm mới nổi, tái nổi, bệnh lây truyền từ động vật sang người.
- Không chế kịp thời không để dịch bệnh bùng phát lan rộng và kéo dài, giảm số mắc và tử vong các bệnh truyền nhiễm lưu hành như: Tay chân miệng, sốt xuất huyết, sởi, rubella, thủy đậu, quai bị, bệnh liên cầu lợn ở người và các bệnh thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng.
- Tăng cường năng lực hệ thống giám sát, phòng chống bệnh truyền nhiễm tại các tuyến, đáp ứng nhanh và xử lý triệt để các ổ dịch. Thực hiện nghiêm túc hệ thống quản lý bệnh truyền nhiễm trên phần mềm theo thông tư 54/2015/TT-BYT.
- Bảo đảm công tác phân tuyến điều trị giảm quá tải bệnh viện tuyến cuối; thu dung, cấp cứu, điều trị kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm, hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp tử vong, biến chứng.

- Chủ động sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, điều trị bệnh nhân ở các cơ sở khám chữa bệnh; có các phương án cụ thể khi có dịch xảy ra ở diện rộng.

- Huy động sự tham gia tích cực và xác định vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền và các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội.

- Tăng cường công tác thông tin truyền thông, tuyên truyền để từng bước nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của người dân trong phòng bệnh, phát hiện bệnh dịch và phối hợp xử lý khi có dịch.

- Lồng ghép đưa nội dung phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm vào các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, vào các hoạt động phát triển kinh tế xã hội và cộng đồng nhằm ngăn chặn, khống chế không để các dịch bệnh xảy ra.

- Nâng cao năng lực trong thu thập, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm của hệ thống xét nghiệm.

- Duy trì đội phản ứng nhanh phòng chống dịch bệnh tại các tuyến để đáp ứng dịch bệnh khẩn cấp.

- Đảm bảo đủ thuốc, vật tư, hóa chất, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh ở các địa phương.

- Đảm bảo vắc xin vật tư thực hiện đạt tỷ lệ tiêm chủng của chương trình TCMR.

- Tăng cường phối hợp giữa y tế và thú y, để trao đổi thông tin về tình hình các loại dịch bệnh từ động vật lây sang người, đặc biệt là cúm gia cầm, đại, liên cầu lợn... phối hợp trong công tác phát hiện, xử lý dịch triệt để, không để lây lan sang người;

- Phối hợp giữa y tế với giáo dục thực hiện truyền thông tại các điểm trường mầm non, nhà trẻ và tiểu học, đồng thời giám sát phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trong trường học tại các xã;

- Phối hợp chặt chẽ các ban ngành, đoàn thể trong hoạt động giám sát xử lý nhanh, có hiệu quả khi dịch xảy ra. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền kiến thức về an toàn thực phẩm, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến thực phẩm.

b. Chương trình SXH:

- Cùng cố, phát huy vai trò của BCĐ CSSKND cấp huyện, xã trong hoạt động chủ động phòng chống dịch SXH;

- Phối hợp các ban ngành đoàn thể huyện-xã trong các hoạt động phòng chống sốt xuất huyết tại cộng đồng. Tổ chức các đợt chiến dịch diệt lăng quăng ngay từ đầu của 2023;

- Ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội huyện-xã phát động và duy trì thường xuyên phong trào vệ sinh môi trường phòng chống sốt xuất huyết. Hướng dẫn hộ gia đình tham gia phát hiện và xử lý ổ lăng quăng, thả cá trong các dụng cụ chứa nước sinh hoạt tại gia đình;

- Hộ gia đình tại các xã điểm cam kết với Ủy ban nhân dân xã: không có lăng quăng trong nhà;
- Phối hợp với Đài truyền thanh huyện trong công tác tuyên truyền phòng chống SXH;
- Tập huấn nâng cao kỹ năng giám sát phòng chống dịch cho cán bộ trạm y tế các xã, tổ công tác Y tế. Giám sát chặt chẽ tình hình SXHD tại xã để dự báo dịch kịp thời;
- Phối hợp chặt chẽ hoạt động giữa Điều trị – Dự phòng – Xét nghiệm;
- củng cố hoạt động mạng lưới CTV đạt hiệu quả xã dự án.

c. Chương trình Phòng chống Lao:

- Tham mưu BGĐ chỉ đạo các khoa lâm sàng trực thuộc Trung tâm Y tế có bệnh nhân có triệu chứng nghi mắc lao chuyển đến Tổ chống lao làm xét nghiệm;
- Trạm Y tế xã giới thiệu bệnh nhân có triệu chứng nghi mắc lao đến Tổ chống lao làm xét nghiệm;
- Cán bộ lao tuyến xã tiếp nhận mẫu đàm những bệnh nhân có triệu chứng nghi mắc lao chuyển đến Tổ chống lao làm xét nghiệm;
- Vận động bệnh nhân đang điều trị lao đem mẫu đàm người nhà có triệu chứng nghi lao đến Tổ chống lao làm xét nghiệm;
- Chỉ định điều trị đúng phác đồ, đúng liều lượng, đủ thời gian đều đặn và phối hợp thuốc;
- Thường xuyên giám sát y tế xã và vãng gia thăm bệnh nhân đang điều trị lao trong giai đoạn điều trị củng cố;

d. Chương trình HIV/AIDS:

- Nâng cao chất lượng hoạt động phòng khám và điều trị HIV/AIDS, hoạt động dự án QTC và dự án EPIC;
- Cập nhật số bệnh nhân nhiễm HIV đang quản lý, tư vấn tham gia BHYT để được điều trị ARV liên tục;
- Tư vấn giới thiệu các đối tượng nghiện chích ma túy điều trị Methadone tại Cần Giuộc;
- Tiếp cận tư vấn xét nghiệm HIV cho bạn tình/ bạn chích của người nhiễm, cho các đối tượng nguy cơ cao tại cơ sở và cộng đồng;
- Tiếp cận tìm ca, chuyển gửi điều trị ARV thành công
- Tập huấn nâng cao năng lực cho các cộng tác viên, đồng đẳng viên;
- Tổ chức nói chuyện chuyên đề trong 2 đợt chiến dịch;
- Thàng cao điểm phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con;

- Tháng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS và ngày thế giới phòng chống HIV/AIDS 01/12;

- Tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Tháng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS năm 2024;

- Tăng cường công tác tư vấn giới thiệu khách hàng có nguy cơ tham gia điều trị dự phòng PrEP.

e. Chương trình TCMR:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát chương trình TCMR;
- Tăng cường quản lý thai, thu thập đầy đủ thông tin từ các tuyến;
- Tăng cường công tác tư vấn cho bà mẹ an toàn tiêm chủng viêm gan so sinh trong 24 giờ sau sinh;

- Tăng cường quản lý tốt thông tin đối tượng trên hệ thống phần mềm tiêm chủng;

- Thường xuyên theo dõi và xóa đối tượng trùng trên hệ thống, đảm bảo đạt tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ theo tiến độ từng tháng và đạt chỉ tiêu theo kế hoạch năm 2024.

f. Chương trình Sức khỏe tâm thần cộng đồng:

- Tiếp tục duy trì các xã có chương trình quốc gia bảo vệ SKTT cộng đồng để làm mô hình chuẩn;

- Hướng dẫn các dấu hiệu ban đầu của bệnh tâm thần cho trạm y tế xã/thị trấn và nhân viên sức khỏe cộng đồng;

- Thu thập các thông tin từ các khoa khám bệnh, phòng khám đa khoa khu vực Rạch Kiến, trạm y tế trực thuộc Trung tâm Y tế Cần Đức về các biểu hiện của người nghi ngờ mắc bệnh tâm thần nhằm phát hiện phát hiện và điều trị sớm;

- Điều trị: Quản lý theo dõi bệnh nhân cấp phát thuốc kịp thời đầy đủ, không bỏ trị;

- Triển khai thêm xã điểm SKTTCD.

g. Chương trình phòng chống bệnh phong:

- Tăng cường hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe;
- Giám sát định kỳ, đột xuất;
- Hướng dẫn bệnh nhân phong tàn tật thực hiện các thủ tục để được hưởng trợ cấp tàn tật;

- Khám tiếp xúc bệnh nhân mới;

- Thực hiện lộ trình loại trừ bệnh Phong cấp huyện.

h. Chương trình VSATTP:

- Tất cả các vụ ngộ độc thực phẩm đều được điều tra và xử lý kịp thời;
- Giám sát về hoạt động chương trình ATVSTP theo bảng kiểm định kỳ, đợt xuất theo tiêu chí quốc gia về y tế xã;
- Hướng dẫn người kinh doanh thực phẩm làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATVSTP;
- Phát thanh, tuyên truyền thông điệp ATVSTP trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- Tổ chức lễ Phát động tháng hành động vì ATTP;
- Thanh kiểm tra các đợt cao điểm về ATTP trong năm: Tết Nguyên Đán, Tháng hành động, Tết Trung thu và các đợt đợt xuất;
- Tham gia Đoàn thẩm định cơ sở đủ điều kiện ATTP;
- Phối hợp với Chi cục ATVSTP lấy mẫu giám sát mối nguy, mô hình điểm về ATTP.

i. Chương trình Phòng chống sốt rét:

- Lấy lam máu phát hiện KSTSR theo đúng qui định: tất cả các trường hợp nóng sốt từ 38⁰C trở lên ở vùng dịch tễ sốt rét phải được lấy máu tìm KSTSR;
- Tổ chức truyền thông ngày thế giới PCSR 25/4 hàng năm;
- Duy trì hoạt động loại trừ Sốt rét.

j. Chương trình Phòng chống các rối loạn do thiếu Iod:

- Khám và điều trị bướu cổ cho người dân có nhu cầu.
- Tổ chức truyền thông ngày 02/11 “Toàn Dân mua và sử dụng muối I-ốt” hàng năm.

k. Chương trình Phòng chống tai nạn thương tích:

- Nâng cao nhận thức của người dân về phòng chống TNTT và cộng đồng an toàn;
- Từng bước giảm nguy cơ gây TNTT trong cộng đồng tiến tới xây dựng cộng đồng an toàn.

l. Chương trình Vệ sinh môi trường:

- Thực hiện kiểm tra giám sát, xét nghiệm chất lượng nước và VSMT tại các cơ sở cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn huyện;
- Kiểm tra ngoại kiểm các cơ sở cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn huyện.
- Phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra các cơ sở cung cấp nước chưa đạt yêu cầu theo kiến nghị.

m. Chương trình Y tế trường học:

- Khảo sát, đo môi trường học tập giảng dạy;
- Quản lý, khám sức khỏe học sinh, tẩy giun cho học sinh ở các trường học.

n. Chương trình Nha học đường:

- Nâng cao chất lượng chương trình cho học sinh tiểu học và mẫu giáo;
- Tăng cường hoạt động phòng bệnh răng miệng cho học sinh;
- Giám sát chảy răng, súc miệng, ngậm thuốc Fluor.

o. Chương trình An toàn vệ sinh lao động:

- Quản lý tốt sức khỏe công nhân lao động phòng ngừa và phát hiện sớm các bệnh nghề nghiệp;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ công nhân.

p. Chương trình Đái tháo đường:

- Triển khai điều tra, sàng lọc, quản lý bệnh nhân ĐTĐ, tiền ĐTĐ và các đối tượng có yếu tố nguy cơ trong cộng đồng để làm cơ sở đánh giá dự án;
- Tăng cường sàng lọc để phát hiện sớm ĐTĐ, tiền ĐTĐ và các đối tượng có yếu tố nguy cơ nhằm quản lý, tư vấn dự phòng, giảm hoặc làm chậm lại sự tiến triển của bệnh và biến chứng của bệnh.

q. Chương trình Tăng huyết áp:

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông GDSK với chủ đề giáo dục và dự phòng THA;
- Tăng cường khám và phát hiện sớm THA và các đối tượng có yếu tố nguy cơ nhằm quản lý, tư vấn dự phòng, giảm hoặc làm chậm lại sự tiến triển của bệnh và biến chứng của bệnh.

r. Chương trình phòng chống SDD TE và Vitamin A:

- Tăng cường công tác GDTT và HDTHDDHL cho thai phụ và bà mẹ có con dưới 2 tuổi về lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ;
- Giám sát hỗ trợ hoạt động Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng tại tuyến xã;
- Triển khai thực hiện chiến dịch uống Vitamin A.

s. Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- Tiếp tục duy trì những kết quả đã đạt được như: làm mẹ an toàn.
- Khắc phục những mặt còn hạn chế:
- Giảm tỷ suất tử vong sơ sinh;
- Tăng cường thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh đề ra;
- Nâng cao dịch vụ chăm sóc SKSS, cung cấp kịp thời các phương tiện tránh thai;

- Tăng cường tầm soát ung thư vú và ung thư cổ tử cung;
- Tăng cường siêu âm sàng lọc trước sanh;
- Tăng cường thu thập số liệu, kịp thời, theo dân số mục tiêu.

t. Truyền thông giáo dục sức khỏe:

- Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ Y tế trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng; Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Phối hợp các ban, ngành tuyên truyền luật BHYT, Luật khám chữa bệnh, Luật an toàn thực phẩm, Luật phòng chống HIV/AIDS, Luật dược, Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá, Luật phòng, chống tác hại rượu, bia....

- Truyền thông phòng chống dịch bệnh lây nhiễm như: Dịch bệnh Covid-19 trong tình hình mới, cúm A ở người; sốt xuất huyết; Chikungunya, Zika, tả; sốt rét, tay chân miệng... và các bệnh mới phát sinh;

- Truyền thông phòng, chống các bệnh lây nhiễm: Đái tháo đường, Tăng huyết áp, Tim mạch và Ung thư;

- Truyền thông phòng chống thiên tai, thảm họa; các dịch bệnh theo mùa và khắc phục các hậu quả sau mưa, lũ, bão...

2. Công tác Dân số và Phát triển:

- Tập trung mọi nỗ lực để ổn định quy mô dân số, tuyên truyền mỗi cặp vợ chồng có điều kiện đẻ sinh đủ 02 con, duy trì khoảng cách giữa các lần sinh, ngăn ngừa tư tưởng tâm lý không hạn chế số lần sinh con;

- Tiếp tục quán triệt nội dung Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới đến các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn thể xã hội về chuyển trọng tâm chính sách dân số từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện các chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước về Dân số-Sức khỏe sinh sản; tạo sự đồng thuận của xã hội trong việc thực hiện mô hình gia đình có đủ hai con, có cuộc sống ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, góp phần thực hiện mục tiêu duy trì mức sinh thấp hợp lý, cân bằng giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số; Đề án sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh để phát hiện, can thiệp sớm tật, bệnh ở thai nhi và sơ sinh, hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần nhằm góp phần nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.. Tuyên truyền tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân cho nam, nữ chuẩn bị kết hôn, để phát hiện, phòng ngừa hướng dẫn điều trị các bệnh lý có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe khi kết hôn, mang thai, sinh đẻ, nuôi con bằng sữa mẹ, các nguy cơ sinh con bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh, góp phần

bảo đảm hôn nhân bền vững và nâng cao chất lượng giống nòi; Đề án chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi thích ứng với giai đoạn già hoá dân số; nâng cao nhận thức, tạo môi trường xã hội đồng thuận và phong trào toàn xã hội tham gia chăm sóc sức khỏe NCT, nâng cao kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu của NCT; góp phần thực hiện đạt các mục tiêu của Nghị quyết số 20-NQ/TW “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” và Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới.

3. Công tác Khám chữa bệnh:

a. Công tác cấp cứu – khám bệnh – chữa bệnh:

Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ như hiện nay, đơn vị tập trung vào 1 số vấn đề trọng tâm như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả Dự kiến
1	Đảm bảo đủ nhân viên có trình độ phù hợp với nơi công tác.	Quý I/2024	Phòng TCHC	Ban GD	Cán bộ công tác đúng CM
2	Sử dụng hiệu quả các TTBYT	Quý I/2024	TK cấp cứu	Phòng KHNH	BS. ĐD sử dụng hiệu quả các TTBYT
3	Tiếp tục hoàn thiện phác đồ điều trị	Quý I/2024	Phòng KHNH	Ban GD	Hoàn chỉnh các phác đồ
4	Tổ chức khám sức khỏe theo quy định.	Mỗi ngày	Khoa Khám bệnh	Phòng KHNH	Đảm bảo KSK đạt yêu cầu
5	Triển khai các kỹ thuật hồi sức cấp cứu theo phân tuyến kỹ thuật: thở máy không xâm nhập, kỹ thuật phá rung tim...	Quý II/2024	Khoa CCHS	Phòng KHNH	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên
6	Triển khai chăm sóc người bệnh toàn diện cho khoa CCHS	Quý I/2024	Khoa CCHS	Phòng ĐD	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên
7	Triển khai kỹ thuật xét nghiệm mới: Khí máu động mạch, xét nghiệm đông máu, các xét nghiệm miễn dịch...	Quý I/2024	Khoa Xét nghiệm	Phòng KHNH	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên
8	Triển khai siêu âm tim và mạch máu	Quý I/2024	Khoa CĐHA	Phòng KHNH	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên

9	Triển khai kỹ thuật chụp CT scanner	Quý I/2024	Khoa CĐHA	Phòng KHNH	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên
10	Triển khai các kỹ thuật ngoại khoa	Quý IV/2024	Khoa Cấp cứu	Phòng KHNH	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên

b. Công tác đào tạo cán bộ y tế:

Tổ chức các khoá đào tạo liên tục cho các thành viên trong TTYT:

- Tổ chức các khoá đào tạo liên tục cho tuyến dưới nâng cao trình độ chuyên môn (có kế hoạch chỉ đạo tuyển).

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Đào tạo kỹ năng chăm sóc người bệnh	Quý I/năm 2024	Phòng Điều dưỡng	Phòng TCHC	Có ít nhất 01 CB tham gia khoá học trên
2	Đào tạo liên tục về phát đồ điều trị	Quý I/Năm 2024	Phòng KHNH	Phòng TCHC	Có ít nhất 01 CB tham gia khoá học trên

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn do tuyển trên tổ chức:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Hồi sức cấp cứu	Năm 2024	Bác sĩ, Điều dưỡng, Y sĩ	Phòng TCHC	Thực hiện được các kỹ thuật hồi sức cấp cứu sau khi đào tạo
2	Quản lý chất lượng Bệnh viện	Năm 2033	Thành viên tổ quản lý chất lượng Bệnh viện	Phòng TCHC	Thực hiện tốt Bộ tiêu chí chất lượng Bệnh viện

- Bệnh viện là cơ sở thực hành để đào tạo cán bộ y tế ở bậc trung học: Bệnh viện sẽ có giải pháp hỗ trợ theo yêu cầu của Trường Cao đẳng Y tế Long An.

c. Thực hiện quy chế bệnh viện:

- Quy chế quản lý:

+ Quy chế kế hoạch:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Tổ chức TK năm 2024	01/2024	Phòng KHNH	Ban GD	Có biên bản lưu
2	Xây dựng KH hoạt động năm 2024 của khoa phòng	01/2024	Các Trưởng khoa	Phòng KHNH	Có KH cụ thể
3	Xây dựng KH hoạt động năm 2024 của TTYT	02/2024	Phòng KHNH	Ban GD	Có KH được duyệt
4	Tổ chức triển khai kế hoạch 2024	02/2024	Ban GD	Phòng KHNH	Có KH và biên bản

+ Quy chế quản lý biểu mẫu và ghi ghép thông tin y tế, báo cáo:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Triển khai biểu mẫu, sổ sách mới (nếu có)	01/2024	Phòng KHNH	Các Trưởng khoa	Các bộ phận có đủ mẫu
2	Kiểm tra ghi chép sổ, biểu mẫu theo qui định	Hàng tháng	Phòng KHNH	BGD	Có biên bản
3	Báo cáo thông tin y tế - Các khoa, phòng báo cáo - CB thống kê báo về SYT, PYT	Trước 04 tây hàng tháng Trước 06 tây/PYT Trước 08 tây/SYT	- TK của khoa, phòng - CBTK của TTYT	- Phòng KHNH - Phòng KHNH	BC đủ, đúng BC đủ, đúng
4	Báo cáo sơ kết, tổng kết	Tháng 3,6,9,12	Các Trưởng khoa	Phòng KHNH	Có báo cáo

+ Quy chế họp:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Giao ban hằng ngày	7h15/ngày	Ban GD	BS trực	Có biên bản
2	Họp tuần - Ban giám đốc - Ban giám đốc - ĐD Trưởng khoa - HĐ người bệnh cấp	T2/tuần T3/tuần T5/tuần T6/tuần	Giám đốc Giám đốc TP.ĐD Trưởng	PGĐ Các TP ĐD TK ĐD TK	Có biên bản Có biên bản Có biên bản Có biên bản

	khoa		khoa		
3	Họp tháng - Họp khoa, phòng - Họp CB chủ chốt bệnh viện - Họp hội đồng thuốc - HĐ người bệnh cấp bệnh viện - Họp hội đồng CNK	T5/tuần 4 T2/tuần 4 11lần/tháng T6/tuần 4 11lần/quý	Các TK Giám đốc HĐ Thuốc và ĐT	KHTH Phó GĐ Ban GĐ	Có biên bản đầy đủ các thành viên trong HĐ
4	Họp sơ kết 6 tháng - Sơ kết khoa - Họp TK toàn BV	Tháng 6 Tháng 7	- Các TK - Giám đốc	ĐD TK Phòng KHTH	Có báo cáo và biên bản họp
5	Tổng kết năm - TK khoa - TK cuối năm/BV	01/2024 01/2024	Các TK Ban GĐ	ĐD TK P.KHTH	Có báo cáo và biên bản họp

+ Qui chế quản lý lao động:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Chăm công khoa, phòng	Mỗi ngày	ĐD HC	ĐD TK	Bảng chăm đúng qui định
2	Khám sức khỏe định kỳ cho CBCC	1 lần/năm	Phòng khám	P.TCHC Công đoàn	100% CB được KSK
3	Xây dựng KH đào tạo về chuyên môn, quản lý, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ cho CBCC	01/2024	Phòng TCHC	Ban GĐ	Có kế hoạch cụ thể
4	Xây dựng tiêu chí trưởng phó khoa, phòng	Quý I/2024	Phòng TCHC	Ban GĐ	Có tiêu chuẩn cụ thể

+ Quản lý kinh tế y tế:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Triển khai văn bản pháp luật liên quan việc thực hiện ND 43 và chỉ thị 05 của TT về xã hội hoá công tác y tế	Quý I/2024	Phòng TCKT	Ban GD	Có đủ các văn bản và biên bản lưu
2	Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024	Quý I/2024	Phòng TCKT	Ban GD	Có quy chế phù hợp
3	Xây dựng tiêu chí xét tiền lương tăng thêm	Quý I/2024	P.TCHC	Ban GD	Có tiêu chí phù hợp
4	Lập kế hoạch triển khai khám chữa bệnh theo yêu cầu (dịch vụ)	Quý I/2024	P.TCHC	Ban GD	Có kế hoạch cụ thể

+ Thực hiện y đức:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Tổ chức học tập 12 điều y đức cho tất cả CBCC	Tháng 2/2024	Ban GD	Phòng TCHC	100% CBCC được học tập
2	Tổ chức đánh giá mức độ hài lòng của bệnh nhân	Quý/ lần	Phòng ĐD	Phòng KHNH	Có báo cáo

+ Quy chế hội đồng thuốc: thực hiện đúng quy chế:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Xây dựng danh mục thuốc đấu thầu cho bệnh viện	1-2/2024	Khoa Dược	HĐ Thuốc & Điều trị	Có danh mục thuốc
2	Xây dựng phác đồ điều trị	Quý II/2024	Phòng KHNH	Ban GD	Có phác đồ
3	Kiểm tra thực hiện quy chế chẩn đoán, kê đơn điều trị, quy chế sử dụng thuốc	Hàng tháng	Phòng KHNH	Ban GD	Các khoa LS
4	Thông tin về thuốc	Hàng tháng	Khoa Dược	Phòng KHNH	Có bài viết
5	Báo cáo định kỳ và sơ, tổng kết 3,6,9,12 tháng	Quý/ lần	Khoa Dược	Phòng KHNH	Có báo cáo và biên bản

+ Qui chế quản lý và sử dụng vật tư. thiết bị y tế:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Tổng hợp dự trù mua sắm thiết bị các khoa	Tháng 1/2024	Các khoa	ĐD trưởng khoa	Có danh mục/khoa
2	Lập kế hoạch dự trù mua sắm thiết bị y tế	Tháng 3/2024	Phòng KHNH	Ban GD	Có kế hoạch
3	Kiểm tra bảo quản, sử dụng các TTBYT	Tháng 6,12/2024	Phòng KHNH	Ban GD	100% TTB được kiểm tra
4	Định mức vật tư tiêu hao. Qui định tiết kiệm điện nước, văn phòng phẩm	Quý I/2024	Phòng TCKT, Phòng ĐD. Khoa Dược	Ban GD	Có qui định cụ thể

+ Qui chế kiểm tra:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Tự kiểm tra khoa, phòng	1 lần/tháng	Các khoa	Phòng ĐD	Có biên bản
2	Kiểm tra tháng: qui chế quản lý, qui chế chuyên môn	Hàng tháng	Phòng KHNH, Phòng ĐD	Ban GD	Có biên bản
3	Kiểm tra đột xuất	Lễ, Tết	Phòng KHNH, Phòng ĐD	Ban GD	Có biên bản

+ Qui chế học tập:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Xây dựng kế hoạch đào tạo lại cho CB huyện và xã	Quý 1/2024	Phòng KHNH, phòng ĐD	Ban GD	Có KH
2	Triển khai kế hoạch đào tạo	Quý 1/2024	Phòng KHNH, Phòng ĐD	Ban GD	Có biên bản
3	Tổng kết. đánh giá kết quả giảng dạy và học tập	Tháng 11/2024	Phòng TCHC	Ban GD	Có biên bản

+ Qui chế chỉ đạo tuyển:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Xây dựng KH chỉ đạo tuyển	1/2024	Phòng KHN	Ban GD	Có KH
2	Xây dựng nội dung huấn luyện, giám sát, kiểm tra	1/2024	Các trường khoa	Phòng KHN	Có bảng kiểm
3	Huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn cho CB y tế tuyến xã	Mỗi 6 tháng	Phòng ĐD	Ban GD, phòng KHN	Có biên bản huấn luyện
4	Tham gia hỗ trợ CM cho tuyến xã và tham gia công tác phòng chống dịch	Khi có yêu cầu và khi có dịch	Trưởng khoa	Ban GD	Có biên bản CĐT
5	Sơ kết, tổng kết công tác chỉ đạo tuyển	10/2024	Phòng KHN	Trưởng khoa	Có biên bản sơ kết, tổng kết

+ Qui chế nghiên cứu khoa học công nghệ:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Đăng ký đề tài và nộp đề cương	Quý I/2024	Phòng KHN, phòng ĐD	Hội đồng KHKT	Có tên đề tài NCKH
2	Quyết định triển khai đề tài	Quý I/2024	Ban GD		Có đề cương
3	Giám sát tiến độ và nội dung nghiên cứu	Tháng 3,6,9	CT Hội đồng KHKT	Hội đồng KHKT	Có biên bản giám sát
4	Nghiệm thu kết quả nghiên cứu	Tháng 10/2024	HĐ nghiệm thu	Hội đồng KHKT	Có biên bản

- Qui chế chuyên môn:

Hầu hết các qui chế chuyên môn đều thực hiện tốt. Tuy nhiên trong năm 2023 còn 1 số tồn tại một số vấn đề trong qui chế hồ sơ bệnh án, hội chẩn, sử dụng thuốc. Năm 2023 phải đảm bảo thực hiện tốt tất cả các qui chế về chuyên môn. Trong đó tập trung khắc phục những tồn tại vừa qua. Cụ thể như sau:

+ Quy chế thường trực:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Tổ chức trực 24/24	Mỗi ngày	Phòng KHNH	Ban GD	Có lịch trực
2	Các phiên trực đảm bảo đầy đủ các phương tiện để kịp thời cấp cứu BN	Mỗi ngày	Trưởng các khoa LS	Ban GD	Đủ phương tiện cấp cứu
3	Vị trí trực có đủ phương tiện hướng dẫn, đèn sáng	Liên tục cả năm	Trưởng các khoa	Phòng HCQT	Đủ bảng, mũi tên hướng dẫn, đèn đủ sáng
4	Chế độ ghi chép thường trực, giao ban đúng qui định	Liên tục mỗi ngày	Các thành viên trực	Phòng KHNH	Có đầy đủ biên bản

+ Quy chế cấp cứu:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Công tác cấp cứu đảm bảo hoạt động liên tục 24 giờ trong ngày	Mỗi ngày	TK Cấp cứu- Hồi sức	Phòng KHNH	Đảm bảo cấp cứu BN 24/24 giờ
2	Phương tiện cấp cứu hoạt động tốt	Mỗi ngày	TK lâm sàng	Ban GD	Sử dụng tốt khi có bệnh
3	Xây dựng qui trình cấp cứu	Quý I/2024	TK Cấp cứu- Hồi sức	Phòng KHNH	Có qui trình
4	Tất cả bệnh vào cấp cứu phải khám ngay, chẩn đoán, tiên lượng và xử trí kịp thời	Cả năm	Bác sĩ trực	Ban GD	Có hồ sơ lưu
5	Quá khả năng CM phải hội chẩn để xử trí kịp thời	Liên tục cả năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNH	100% có biên bản lưu
6	Đảm bảo đủ nhân sự, thuốc, TTB, phương tiện vận chuyển để CC ngoại viện	Liên tục cả năm	Đội cấp cứu ngoại viện	Phòng KHNH	Cấp cứu tốt 100% cas có yêu cầu
7	Tất cả các bệnh nhân nhập khoa CCHS hoặc lưu tại khoa CCHS đều phải được thực hiện bệnh án	Từ Quý I/2024	Bác sĩ và Điều dưỡng khoa CCHS	Phòng KHNH	Thực hiện tốt

+ Quy chế chẩn đoán bệnh. làm hồ sơ bệnh án và kê đơn điều trị:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Người bệnh CC được làm bệnh án ngay, hoàn chỉnh trước 24 giờ và đủ XN cần thiết	Khi có bệnh cấp cứu	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNV	Có bệnh án đúng qui định
2	Người bệnh không thuộc diện CC phải hoàn chỉnh bệnh án trước 36 giờ	Liên tục trong năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNV	Có bệnh án đúng qui định
3	Bệnh án ghi đầy đủ, không tẩy xóa	Liên tục trong năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNV	BA sạch. đầy đủ
4	Tên thuốc rõ ràng. Thuốc gây nghiện, hướng tâm thần, kháng sinh, corticoide phải được đánh số thứ tự để theo dõi	Liên tục trong năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNV	100% nhân viên liên quan thực hiện đúng
5	Điều trị trên 15 ngày phải có phiếu sơ kết	Liên tục trong năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNV	Có đủ phiếu sơ kết
6	Bác sĩ trưởng khoa khám bệnh nội trú đã điều trị 3-4 ngày. Có ghi nhận xét và chỉ định vào tờ điều trị	Liên tục trong năm	Bác sĩ TK	Phòng KHNV	100% TK ghi vào BA

+ Quy chế vào viện, chuyển khoa, chuyển viện. ra viện:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Khi BN vào viện phải làm HSBA đúng qui định	Liên tục trong năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNV	100% bệnh nội trú có BA
2	Bệnh nhân đến khoa phải ký nhận đầy đủ	Liên tục trong năm	ĐD các khoa	Phòng ĐD	Có ký nhận đầy đủ
3	Bệnh nhân có chỉ định chuyển viện phải: - Hội chẩn - Liên hệ với BV tuyến trên - Tóm tắt HSBA, các	Khi có bệnh chuyển viện	BS điều trị	Ban GD Phòng KHNV	100% có biên bản hội chẩn, thủ tục trên đúng qui định

	XN đã làm, chẩn đoán, thuốc dùng, tình trạng bệnh hiện tại				
4	Chuyển viện đảm bảo an toàn (đủ phương tiện hồi sức)	Liên tục trong năm	TK lâm sàng	Phòng KHNH	Đủ oxy, dụng cụ hồi sức.
5	Khi bệnh nhân ra viện: - Trưởng khoa khám lại và cho chỉ định xuất viện - Thực hiện đầy đủ thủ tục cho BN	Liên tục trong năm	TK lâm sàng ĐD T.khoa	Phòng KHNH. Phòng ĐD	- Có ghi vào bệnh án - 100% thực hiện đúng

+ Quy chế điều trị ngoại trú:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Làm bệnh án cho tất cả BN điều trị ngoại trú	Liên tục cả năm	BS điều trị	Phòng KHNH	100% có bệnh án

+ Quy chế hội chẩn:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Hội chẩn khi khó chẩn đoán và điều trị, tiên lượng dè dặt, cấp cứu	Khi có chỉ định	BS điều trị	Phòng KHNH	Có đủ biên bản đúng qui định
2	Thủ tục hội chẩn đúng theo qui định	Khi tiến hành HC	BS điều trị	Phòng KHNH	Có lưu sổ và trích biên bản

+ Quy chế sử dụng thuốc:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Y lệnh dùng thuốc phải đầy đủ, rõ ràng bao gồm: tên thuốc, hàm lượng, liều dùng, đường dùng và thời gian dùng	Liên tục trong năm	BS điều trị	Phòng KHNH TK Dược	100% BS thực hiện đúng
2	Thuốc phù hợp chẩn đoán, tuổi, cân nặng, cơ địa BN	Liên tục trong năm	BS điều trị	Phòng KHNH, Khoa	100% BS thực hiện đúng

				Dược	
3	Chỉ định thuốc độc, thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần phải theo đúng qui định	Liên tục trong năm	BS điều trị	Phòng KHNH, Khoa Dược	100% BS thực hiện đúng
4	Thực hiện phiếu riêng khi lĩnh gây nghiện, thuốc hướng thần	Liên tục trong năm	ĐD khoa	Phòng ĐD, Khoa Dược	100% ĐD thực hiện đúng
5	Bảo quản thuốc theo qui định	Liên tục trong năm	Thủ kho dược, ĐD T.khoa	Khoa Dược	ĐK bảo quản đạt
6	Thực hiện nghiêm chỉnh 3 kiểm tra, 5 đối chiếu	Mỗi ngày	ĐD chăm sóc BN	Phòng ĐD, ĐD T.khoa	100% ĐD thực hiện đúng
7	Khi tiêm thuốc phải có hộp chống sốc	Liên tục mỗi ngày	ĐD chăm sóc BN	Phòng ĐD, ĐD T.khoa	100% CB thực hiện đúng

+ Quy chế công tác chăm sóc toàn diện:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Phân loại cấp chăm sóc đúng qui định	Liên tục mỗi ngày	BS điều trị	TK lâm sàng	100% phân loại đúng
2	Thực hiện chăm sóc hoàn toàn cho bệnh nhân cấp I	Khi có bệnh CS cấp 1	ĐD khoa	Phòng ĐD, ĐD T.khoa	100% BN CS cấp 1

+ Quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Củng cố HĐKSNK	Quý I/2024	Phòng TCHC	Ban GD	Có QĐ
2	HĐ họp mỗi quý 1 lần	tháng đầu/quý	Chủ tịch HĐ	Ban GD	Đủ 4 biên bản/năm
3	Cung cấp đủ hoá chất, vật dụng khử khuẩn	Liên tục trong năm	Khoa Dược	Ban GD	Đủ sử dụng
4	Có qui trình khử khuẩn cho các khoa	Quý I/2024	Chủ tịch Hội đồng	Ban GD	Có qui trình

			KSNK		
5	Chất thải được thu gom và xử lý đúng qui định	Mỗi ngày	Tất cả NV	Hội đồng KSNK	Thực hiện nghiêm túc

4. Xây dựng cơ bản: Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở 2

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến

5. Thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Lấy ý kiến về cách điều hành của Ban giám đốc: các trưởng bộ phận góp ý	Quý I/2024	Phòng TCHC	Ban GD	Có bảng tổng hợp các góp ý
2	Xây dựng tiêu chí bố trí trưởng phó khoa, phòng; bổ nhiệm, miễn nhiệm	Quý I/2024	Phòng TCHC	Ban GD	Có tiêu chí phù hợp
3	Xây dựng tiêu chí cử đi học nâng cao trình độ	Quý I/2024	Phòng TCHC	Ban GD	Có tiêu chí phù hợp
4	Xây dựng quy chế luân chuyển cán bộ giữa các khoa, phòng	Quý I/2024	Phòng TCHC	Ban GD	Có qui định cụ thể
5	Sinh hoạt về nội dung dân chủ cơ sở ở cơ quan nhà nước	6 tháng 1 lần	Phòng TCHC	Ban GD	Có biên bản lưu

6. Chỉ đạo tuyên:

a. Thực hiện tốt kế hoạch tăng cường cán bộ tuyên trên về hỗ trợ chuyên môn cho tuyến dưới (Đề án 1816).

b. Tham gia củng cố công tác chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm nhất là trong bệnh sốt xuất huyết, cúm Covid-19 đối với Cơ sở 2 và TYT các xã.

c. Củng cố và duy trì các xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

d. Tổ chức đào tạo lại về chuyên môn tại chỗ cho các bác sĩ, điều dưỡng và nữ hộ sinh.

e. Mời các chuyên gia chuyên ngành về đào tạo một số lĩnh vực cần triển khai trong năm 2024 (dự kiến mỗi quý một lần).

7. Nghiên cứu KHKT - Sinh hoạt KHKT:

- a. Duy trì sinh hoạt khoa học kỹ thuật hàng tháng trong Trung tâm Y tế (tạo điều kiện cho Cơ sở 2 và các xã về dự).
- b. Tổ chức bình bệnh án và bình toa thuốc mỗi tháng một lần.
- c. Sử dụng hình thức thông tin nhanh ít nhất mỗi tuần một lần nhằm cập nhật kiến thức cho các y bác sĩ Trung tâm Y tế.
- d. Phát động phong trào NCKH trong toàn thể công chức – viên chức. Chỉ tiêu có ít nhất 03 đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu.

8. Truyền thông giáo dục sức khỏe:

Tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khỏe đến các khoa phòng bằng hệ thống phát thanh toàn bệnh viện ngoài các buổi giáo dục sức khỏe tại khoa do các điều dưỡng trưởng khoa phụ trách.

9. Mua sắm trang thiết bị y tế:

Trong năm 2023 các TTBYT của Dự án xây dựng bệnh viện 100 giường, Dự án xây dựng khối YTDP đã cung cấp nên nhu cầu mua sắm TTBYT sẽ không nhiều. Chủ yếu mua sắm công cụ, dụng cụ và các thiết bị y tế khác phục vụ cho công tác chuyên môn.

10. Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ:

- a. Tổ chức tập huấn điều trị và săn sóc bệnh nhân sốt xuất huyết, cúm Covid-19 cho các bác sĩ và điều dưỡng (kể cả các TYT xã).
- b. Tổ chức đào tạo tại chỗ cho các bác sĩ và điều dưỡng.

11. Tuyển dụng bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên và nữ hộ sinh:

- a. Cố gắng tuyển dụng thêm một số vị trí còn thiếu (trong biên chế cho phép) theo kế hoạch phân bổ của tỉnh.
- b. Bằng nguồn kinh phí có được sẽ hợp đồng ngoài biên chế một số vị trí cần thiết (đặc biệt các bác sĩ của TTYT vừa nghỉ hưu).

12. Thu chi ngân sách: (Phụ lục 3).

V. Đề nghị:

Để đảm bảo đủ điều kiện hoạt động và phục vụ bệnh nhân ngày một tốt hơn, Trung tâm Y tế đề nghị:

- Sở Y tế Long An và UBND huyện có chính sách thu hút nhân tài (đặc biệt là bác sĩ) để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân địa phương.
- Cần có sự phối hợp tốt của nhiều ban ngành trong việc xây dựng và củng cố Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Dựa trên kế hoạch này các khoa phòng sẽ xây dựng cho khoa phòng mình kế hoạch cụ thể hơn và hàng tháng phải có rút kinh nghiệm, hàng quý phải có sơ kết, đánh giá gửi về Ban Giám Đốc và Phòng KHNV./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh Long An (phòng KHTC);
- BGĐ, các Khoa/Phòng;
- TTYT Cần Đước cơ sở 2;
- Lưu: VT, TCHC, KHNV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Thị Thùy Trang

***** Các phụ lục:**

1. Phụ lục 1: Chỉ tiêu hoạt động năm 2024 của hệ dự phòng
2. Phụ lục 2: Chỉ tiêu hoạt động năm 2024 của hệ điều trị
3. Phụ lục 3: Dự toán thu chi tài chính năm 2024 của TTYT

Phụ lục 1: Các chỉ tiêu hoạt động năm 2023 của Hệ dự phòng

1. Chương trình phòng chống dịch:

- 100% ca mắc/ổ dịch mới phát sinh được phát hiện và xử lý kịp thời.
- 100% cán bộ làm công tác thống kê báo cáo bệnh truyền nhiễm được tập huấn về giám sát, công tác thông tin, báo cáo bệnh truyền nhiễm, nâng cao chất lượng và áp dụng hệ thống báo cáo điện tử.
- Đối với bệnh truyền nhiễm nhóm A-B và bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác chưa rõ tác nhân gây bệnh xuất hiện trên địa bàn huyện: 100 % ca bệnh nghi ngờ được điều tra và lấy mẫu xét nghiệm. 100 % ca bệnh nghi ngờ/ổ dịch được điều tra và xử lý theo qui định Bộ Y tế.
- Không chế đến mức thấp nhất ca tử vong do bệnh truyền nhiễm xảy ra.
- Giảm 8% số ca mắc các bệnh truyền nhiễm phổ biến so với trung bình giai đoạn 2016 – 2020.

(Riêng chỉ tiêu các bệnh liên quan đến Tiêm chủng và Sốt xuất huyết thực hiện theo chỉ tiêu của chương trình Tiêm chủng và Sốt xuất huyết).

- 100% các ổ dịch bệnh truyền nhiễm phát hiện được điều tra, quản lý. Số ổ dịch được xử lý/số ổ dịch phát hiện phải đạt từ 95% trở lên.

2. Chương trình phòng chống Sốt xuất huyết:

- Giảm tỉ lệ mắc.
- Giảm tỉ lệ chết.
- Không chế không để SXH xảy ra thành dịch lớn.
- Xã hội hóa y tế chương trình phòng chống SXH, xây dựng các văn bản pháp quy để triển khai thực hiện.
- Giảm 11% tỉ lệ mắc/ 100.000 dân do sốt xuất huyết so với trung bình giai đoạn 2016-2020.
- Không chế tỉ lệ chết/mắc do SXH $< 0,09\%$.
- Không chế tỉ lệ chết/mắc do SXH nặng $< 1\%$.
- 100% số xã thực hiện giám sát dịch tễ chủ động.
- Giám sát 10% số xã có mạng lưới cộng tác viên và hoạt động diệt bọ gây/lăng quăng tại hộ gia đình.
- 90% hộ gia đình tại các xã có công tác viên được cung cấp kiến thức phòng chống dịch, cam kết không có bọ gây/lăng quăng trong hộ gia đình.
- 70% hộ gia đình tại các xã có cộng tác viên kiểm tra định kỳ không có bọ gây/lăng quăng trong hộ gia đình.
- 100% xã triển khai chiến dịch diệt lăng quăng có hiệu quả ít nhất 2 lần/năm.

- 100% ổ dịch được xử lý sớm và triệt để.
- 100% xã/ấp bùng phát dịch triển khai dập dịch diện rộng sớm và chủ động sớm.
- 100% xã có hồ nhân nuôi cá tại trạm y tế để có đủ lượng cá xử lý ổ dịch nhỏ và thực hiện chiến dịch diệt lăng quăng 2 lần/năm.

3. Chương trình phòng chống Lao:

- Số người nghi lao xét nghiệm đàm 1.229;
- Thu dung điều trị 254 ca;
- Điều trị lành chung $\geq 90\%$;
- Xét nghiệm lao HIV $\geq 90\%$;
- Thu nhận lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học $\geq 80\%$ /133 bệnh;
- Tỷ lệ không theo dõi được (bỏ trị dưới 2,5%).

4. Chương trình HIV/AIDS:

Chương trình	Nội dung thực hiện	Chỉ tiêu 2024
Tiếp cận tìm ca tại cơ sở y tế	1. Số KH xét nghiệm HIV	475
	2. Số KH dương tính	32
	2.1. Chỉ tiêu EPIC	95%
	2.2. Chỉ tiêu của SYT	70
	3. Số KH chuyển gửi thành công	100
	4. Số KH chuyển gửi Prep	90%
	5. Số sinh phẩm tự XN phát cho KH	640
	6. Số KH (+) được Xn Recency	70
Điều trị ARV	1.Số BN đang điều trị ARV	70%
	2. Số BN mới điều trị ARV	<5%
	2.1. Tỷ lệ/ Số BN điều trị ARV trong cùng ngày có KQ XN khẳng định HIV	90%
	3.Tỷ lệ/ Số BN bỏ trị và tử vong	90% BN đủ TC
	4. Tỷ lệ/ Số BN duy trì đtrị tại thời điểm 12 tháng sau khi bắt đầu đtrị ARV	80%
	5. Tỷ lệ/Số BN đo tải lượng HIV	95%

	5.1. Tỷ lệ/Số BN được đo tải lượng HIV bằng nguồn BHYT	70%
	5.2. Tỷ lệ/Số BN có KQ TL HIV dưới NUC (<1000 copy/ml)	1,5%
	6. Tỷ lệ/Số BN được cấp phát thuốc nhiều tháng/Số BN đang QL	90%
	7. Tỷ lệ/Số BN được điều trị lao tiềm ẩn	70%
	8. Số (%) BN được bắt đầu DT LTA bằng 3HP	70
	9. Số (%) BN thực hiện các XN theo dõi điều trị ARV định kỳ 6 tháng qua BHYT	66
Điều trị PrEP	1. Số khách hàng bắt đầu điều trị PrEP	85
	2. Số khách hàng quay lại tái khám	65

5. Chương trình TCMR:

- Duy trì thành quả thanh toán bệnh bại liệt.
- Duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh.
- $\geq 95\%$ tiêm đủ liều cho trẻ < 1 tuổi.
- $\geq 90\%$ VAT cho thai phụ.
- $\geq 90\%$ VAT cho phụ nữ 15-16t tuổi.
- $\geq 90\%$ sởi cho trẻ em 18 tháng.
- $\geq 90\%$ Vaccin Viêm não Nhật Bản mũi 1-3 cho trẻ 1-5 tuổi.
- Giám sát chết sơ sinh, uốn ván sơ sinh, bại liệt, liệt mềm cấp.
- Đảm bảo an toàn tiêm chủng. quản lý dây chuyền lạnh đúng qui định.

6. Chương trình SKTTCD:

- $\geq 70\%$ bệnh nhân chữa ổn định.
- $\leq 20\%$ hành vi gây rối.
- $\leq 20\%$ hành vi gây hại.
- $\leq 20\%$ trường hợp mãn tính và tàn phế.
- $\leq 10\%$ tỉ lệ tái phát phải nhập viện.
- Triển khai thêm 01 xã điểm SKTTCD.
- Khám phát hiện và điều trị kịp thời bệnh nhân mới giảm bớt tác hại về kinh tế xã hội.

7. Chương trình phong:

Loại trừ bệnh phong theo bốn tiêu chuẩn Việt Nam:

- Tỷ lệ lưu hành $< 0,02/10.000$ dân;
- 100% bệnh nhân phong bị tàn tật được chăm sóc tàn tật;
- 100% bệnh nhân phong hòa nhập cộng đồng và không bị bất kỳ vấn đề gì do thành kiến với bệnh phong;
- 100% bệnh nhân phong nghèo/tàn tật có nhà ở.
- Bệnh nhân quản lý: 11 (10 xã trong huyện).
- Điều trị: 00.
- Giám sát: 01.
- Phòng chống tàn tật: 12.

8. Chương trình phòng chống sốt rét:

- Loại trừ sốt rét.
- Lam phát hiện sốt rét 400 lam/năm.

9. Chương trình phòng chống các rối loạn do thiếu I- ốt:

- Tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối I-ốt $> 90\%$.
- Tăng nồng độ I-ốt niệu: $10-19 \mu\text{g/dl}$.
- Giảm tỷ lệ bướu cổ ở học sinh 08–10 tuổi còn $\leq 5\%$

10. Chương trình phòng chống tai nạn thương tích:

100% xã có đủ phương tiện và sẵn sàng sơ cấp cứu khi có xảy ra tai nạn thương tích trên địa bàn mình quản lý.

11. Chương trình vệ sinh môi trường:

- Nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch, hố xí hợp vệ sinh và xử lý rác:
 - + Nhà vệ sinh tăng 2%;
 - + Hộ sử dụng nước sạch tăng 2%;
 - + Hộ xử lý rác tăng 10%.
- $> 95\%$ cơ sở cung cấp nước trên địa bàn huyện thực hiện xét nghiệm chất lượng nước sinh hoạt định kỳ.

12. Chương trình Y tế học đường:

- 100% trường tuyên truyền giáo dục các bệnh học đường.
- $\geq 98\%$ học sinh các cấp được khám sức khỏe định kỳ hàng năm và thông báo kết quả về gia đình.

- 100% trường học trên địa bàn huyện được đo đặc môi trường học tập (trừ mẫu giáo).

13. Chương trình Nha học đường:

- 98% các trường mẫu giáo được giáo dục vệ sinh răng miệng và phương pháp chải răng.

- 98% các trường tiểu học được giáo dục vệ sinh răng miệng và phương pháp chải răng súc miệng, ngậm thuốc fluor 0,2%.

- Nâng cao chất lượng giảng dạy, thực hành các nội dung Nha học đường : chải răng, súc miệng, ngậm thuốc fluor 100% trường

14. Chương trình ATVSLĐ:

Quản lý tốt sức khoẻ công nhân lao động phòng ngừa và phát hiện sớm các bệnh nghề nghiệp.

15. Chương trình Đái tháo đường:

- Giảm tỉ lệ mắc, biến chứng và tử vong của bệnh ĐTĐ.

- Khám sàng lọc: 2 xã.

16. Chương trình Tăng huyết áp:

Giảm tỉ lệ mắc, biến chứng và tử vong do bệnh THA.

17. Chương trình VSATTP:

- 95% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; bếp ăn tập thể; dịch vụ ăn uống và căn tin trường học, bệnh viện, thức ăn đường phố được kiểm tra, trong đó tỉ lệ trên 88% cơ sở.

- 88% cơ sở thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp giấy.

- 100% các vụ ngộ độc thực phẩm đều được điều tra và xử lý kịp thời.

- 100% trạm Y tế xã được giám sát về hoạt động chương trình ATVSTP theo bảng kiểm định kỳ, đột xuất theo tiêu chí quốc gia về y tế xã.

18. Chương trình Giáo dục sức khoẻ:

- Mở lớp tập huấn bổ sung về kỹ năng TT GDSK cho cán bộ y tế xã. áp. NVSKCD.

- Tuyên truyền trong hệ thống trường học.

- Tuyên truyền thông tin đại chúng: báo. đài...

- Tổ chức các chiến dịch cổ động: tiêm chủng. diệt lăng quăng...

- Tuyên truyền trực tiếp tại chỗ: vãng gia. họp nhóm...

- Tổ chức khảo sát kiến thức người dân để đánh giá hiệu quả công tác truyền thông.

19. Chương trình mục tiêu phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em:

Số TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch 2024
1	Trẻ em < 2 tuổi cân hàng tháng	>99%
2	Trẻ < 2 tuổi SDD	≤ 5%
3	Trẻ < 5T cân 6 tháng / lần	>99 %
4	Thai phụ uống sắt 9 tháng thai kỳ	99%
5	Bà mẹ sau sanh uống A	>99%
6	Cân nặng sơ sinh < 2500gr	≤ 2,4 %
7	Bú mẹ chủ yếu 6 tháng đầu	60 %
8	Bú mẹ hoàn toàn 6 tháng đầu	35 %
9	Hướng dẫn TH.DDHL	
	- Bà mẹ có con < 2 tuổi	30%
	- Bà mẹ có con SDD từ 0-5 tuổi	100%
	TTGD kết hợp với hướng dẫn thực hành dinh dưỡng hợp lý cho thai phụ	30%
10	Vãng gia gia đình có trẻ < 5 tuổi SDD và thai phụ	>98%
11	Thai phụ tăng cân < 2500gr 6 tháng liên tục	≤0,08%
12	Bà mẹ có kiến thức thực hành DD trẻ ốm	98%
13	Trẻ em dưới 2 tuổi không tăng cân 3 tháng liền	≤1,2%
14	Nữ thanh niên 18-25 tuổi được huấn luyện về dinh dưỡng và kiến thức về làm mẹ(3,5% dân số)	75%

20. Chương trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản:

STT	Nội dung chỉ số	7
01	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai	> 99 %
02	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 3 lần trở lên. <i>Trong đó tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ.</i>	≥ 99,5%

		>90%
03	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được tiêm phòng uốn ván đủ liều	≥ 99,5 %
04	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được NVYT hỗ trợ	≥ 99,6%
05	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được NVYT có kỹ năng hỗ trợ	>98%
06	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau đẻ	90%
	Tỷ lệ bà mẹ / trẻ sơ sinh được khám tuần đầu sau đẻ	92%
07	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm HIV	90%
08	Tỷ số tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản	≤20/100.000TĐS
09	Tỷ số phá thai / 100 trẻ đẻ sống	≤ 12%
10	Số cas tai biến do phá thai	Giảm so CK
11	Tỷ suất tử vong sơ sinh/1.000 TĐS	Giảm 0,2‰
12	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi/1.000 TĐS	Giảm 0,2‰
13	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 TĐS	Giảm 0,2‰
14	Tỷ lệ trẻ sơ sinh tiêm phòng viêm gan B trong 24 giờ đầu sau đẻ > 80%	>80%
15	Số trường hợp nhiễm khuẩn sinh sản	<38%
16	Số trường hợp nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục	<12%
17	Tỷ lệ phụ nữ ở độ tuổi 30-54 được sàng lọc ung thư cổ tử cung	50%.
18	Tỷ lệ phụ nữ ở độ tuổi 40-60 được sàng lọc ung thư vú	50%.
19	Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và tư vấn CSSKSS vị thành niên / thanh niên	100% các điểm cung cấp dịch vụ
20	Tỷ lệ tuổi VTN mang thai ngoài ý muốn (VTN phá thai)	1%

21. Công tác Dân số - SKSS:

a). Quy mô dân số

- Kiên trì thực hiện mục tiêu mỗi gia đình có hai con để nuôi dạy tốt; mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con để duy trì mức sinh thay thế, cụ thể là:

+ Tăng tỷ suất sinh thô 0,02‰.

+ Phân đầu mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 2 con: 61,64%.

- Hoàn thành chỉ tiêu vận động người sử dụng các biện pháp tránh thai mới trong năm, cụ thể:

- + DCTC: 2.440;
- + Thuốc viên: 3.900;
- + Bao cao su: 3.340;
- + Thuốc tiêm: 600;
- + Thuốc cấy: 16.

b) Cơ cấu và chất lượng dân số

- Tỷ số giới tính khi sinh < 104 nam/100 nữ.
- Tỷ lệ sinh của bà mẹ dưới 20 tuổi $< 2,2\%$.
- 95% trẻ sinh ra có bà mẹ thực hiện kỹ thuật chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh.
- 95% trẻ sinh ra được thực hiện kỹ thuật sàng lọc sơ sinh đủ 5 bệnh.
- 95% cặp kết hôn được tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân.
- Tỷ lệ người trên 60 tuổi được khám sức khỏe định kỳ trên 65% trở lên.

Phụ lục 2: Các chỉ tiêu hoạt động năm 2024 của hệ điều trị

1. Thực hiện chỉ tiêu khám chữa bệnh tại bệnh viện:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	224.200
Số BN nội trú	5.320
Số ngày điều trị nội trú	37.400
Công suất sử dụng giường bệnh (%)	≥ 60
Tổng số X-quang	15.000
Tổng số siêu âm	11.000
Tổng số điện tim	8.000
Tổng số nội soi	300
Tổng số XN	110.000

a. Khoa Khám bệnh:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	122.100

Tổ chức sắp xếp lại qui trình nhận bệnh, khám bệnh của khoa khoa học hơn; tăng số phòng khám nhằm tránh sự chờ đợi cho bệnh nhân nhất là vào các ngày đầu và cuối tuần.

b. Khoa Cấp cứu – Hồi sức:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	22.800
Số BN nội trú	1.300
Số ngày điều trị nội trú	3.000
Công suất sử dụng giường bệnh (%)	≥ 50

Đưa vào sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị như máy thở, CPAP. Monitoring, bơm tiêm tự động, máy phá rung tim...nhằm nâng cao khả năng xử trí cấp cứu của khoa. Triển khai thêm một số kỹ thuật cấp cứu – hồi sức để công tác chuẩn hóa cấp cứu ngày càng hoàn thiện.

c. Khoa Nội – Nhiễm – YHCT:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	4.100

Số BN nội trú	3.600
Số ngày điều trị nội trú	32.000
Công suất sử dụng giường bệnh (%)	≥ 80

Tổ chức đi buồng hàng tuần vào ngày thứ năm nhằm giúp khoa hoàn thiện hơn công tác bệnh án và nâng cao chất lượng điều trị. Tăng năng lực chuyên môn để chẩn đoán và điều trị hiệu quả hơn, rút ngắn thời gian nằm viện của bệnh nhân.

d. Khoa Nhi:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số BN nội trú	310
Số ngày điều trị nội trú	1.800
Công suất sử dụng giường bệnh (%)	≥ 40

Triển khai thêm một số kỹ thuật trong điều trị sơ sinh như hồi sức sơ sinh, củng cố công tác điều trị vàng da do tăng bilirubine gián tiếp bằng ánh sáng liệu pháp. Tăng năng lực chuyên môn để chẩn đoán và điều trị hiệu quả hơn, rút ngắn thời gian nằm viện của bệnh nhân.

e. Khoa CSSKSS:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	5.600
Số BN nội trú	110
Số ngày điều trị nội trú	600
Công suất sử dụng giường bệnh (%)	≥ 30

Triển khai thêm một số kỹ thuật như khám thai và khám theo dõi chuyển dạ sanh bằng doppler tim thai, siêu âm sản phụ khoa qua ngã âm đạo, hồi sức sơ sinh hiệu quả, tầm soát tiểu đường thai kỳ trong khám thai...

f. Khoa Liên chuyên khoa Mắt – TMH – RHM:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	67.000

Trang bị cho khoa một máy điều trị nha khoa để tăng năng lực điều trị chuyên khoa. Triển khai thêm một số kỹ thuật chuyên khoa Mắt – TMH: hoàn thiện kỹ thuật nội soi chẩn đoán trong TMH tới tới triển khai nội soi can thiệp. Đánh giá thị lực bằng khúc xạ kế tự động...

g. Các chuyên khoa khác (Lao, Tâm thần, Bướu cổ):

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	2.600

h. Khoa Xét nghiệm & CDHA:

Nội dung	Chỉ tiêu
Tổng số X-quang	15.000
Tổng số siêu âm	11.000
Tổng số điện tim	8.000
Nội soi	300
Tổng số XN	110.000

Triển khai thêm một số xét nghiệm khác phục vụ cho công tác chẩn đoán và điều trị như xét nghiệm điện giải đồ, sinh hóa máu bằng máy sinh hóa tự động, phân tích khí máu động mạch...

- Thực hiện ngày càng tốt hơn công tác chụp X - quang tại giường phục vụ cho công tác hồi sức cấp cứu.

- Triển khai chụp CT-Scanner trong quý 2/2024.

- Triển khai siêu âm tim và mạch máu trong quý 2/2024.

i. Khoa Dược – Chống nhiễm khuẩn:

- Khoa Dược đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc, vật tư tiêu hao cho các khoa phòng trong đơn vị, hạn chế để người bệnh phải tự mua thêm thuốc, vật tư y tế trong khi đang nằm viện điều trị. Tăng cường và củng cố công tác Dược lâm sàng trong bệnh viện.

- Tổ chức theo dõi và đánh giá tình hình nhiễm khuẩn tại bệnh viện.

- Kết hợp với các khoa lâm sàng thực hiện tốt các công tác cung ứng và cấp phát thuốc đến tận giường bệnh nhân.

- Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện qui chế chống nhiễm khuẩn trong bệnh viện.

- Thực hiện ngày càng tốt hơn công tác xử lý chất thải y tế.

- Củng cố công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện ngày một tốt hơn.

j. Công tác y học cổ truyền:

- Nâng cao hoạt động của Tổ y học cổ truyền tại Trung tâm Y tế nhằm phối hợp với khoa Nội – Nhiễm trong điều trị các bệnh mạn tính. Tiến tới nâng cao công tác phối hợp điều trị YHCT và YHHĐ.

- Trồng vườn mẫu thuốc nam đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế tại Trung tâm Y tế và các Trạm y xã.

- Trang bị thêm một số trang thiết bị phục vụ cho điều trị bệnh bằng y học cổ truyền tại Trung tâm Y tế và Cơ sở 2. Đưa vào sử dụng có hiệu quả các thiết bị điều trị YHCT của Dự án xây dựng bệnh viện trang cấp.

- Giữ vững những kết quả đã đạt được năm 2023.

2. Thực hiện chỉ tiêu khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Cần Đước cơ sở 2:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	19.900
Số BN nội trú	960
Số ngày điều trị nội trú	6.560
Công suất sử dụng giường bệnh (%)	>60
Tổng số X-quang	310
Tổng số siêu âm	160
Tổng số điện tim	1.150
Tổng số XN	3.510

3. Thực hiện chỉ tiêu khám chữa bệnh tại trạm tế xã:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	82.740

Phụ lục 3: Dự toán thu chi tài chính năm 2024 của TTYT

1. Bệnh viện: (đơn vị tính 1.000 đ)

STT	Khoản	Mục	Nội dung	Dự toán 2024
				Viện phí
A			Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	35.920.715
1			Số thu phí, lệ phí	35.920.715
			<i>Thu viện phí</i>	35.920.715
			<i>Thu từ nguồn NS</i>	-
2			Chi từ nguồn thu phí được để lại	35.920.715
			<i>Chi viện phí</i>	35.920.715
			Chi thường xuyên	35.920.715
I			Chi thanh toán cá nhân	17.010.144
	6000		Tiền lương	9.184.566
		6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt(HS 390,79)	8.441.064
		6049	Năng lương hàng năm	743.502
		6049	Trợ cấp y tế áp Tổ y tế Long Hòa 6 người *0,3*1490*12)	-
	6050		Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng(NĐ 161)	389.472
		6051	Lương (5 người)	315.360
		6300	Các khoản đóng góp NĐ 161	74.112
	6100		Phụ cấp lương	5.166.882
		6101	Phụ cấp chức vụ (HS 7,7)	166.320
		6105	Phụ cấp làm thêm	-
		6106	Phụ cấp thêm giờ	-
		6107	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm (HS 9,2)	198.720
		6112	Phụ cấp ưu đãi nghề (HS 175,4020)	3.788.683

		6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc (HS 6,5)	140.400
		6114	Phụ cấp trực 23 người(6 trực cấp cứu,17 trực thường)	781.968
		6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung (HS 4,2033)	90.791
	6200		Tiền thưởng	89.240
		6201	Thưởng thường xuyên theo định mức	72.360
		6249	Thưởng khác	16.880
	6250		Phúc lợi tập thể	-
		6257	Tiền nước uống	-
	6300		Các khoản đóng góp	2.044.071
		6301	Bảo hiểm xã hội	1.522.181
		6302	Bảo hiểm y tế	260.945
		6303	Kinh phí công đoàn	173.964
		6304	Bảo hiểm thất nghiệp	86.982
	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	135.912
		6401	Tiền ăn	
		6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (Phẫu thuật,thủ thuật); lao lầy bằng hiện vật	135.912
II			Chi nghiệp vụ chuyên môn	18.239.071
	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	821.442
		6501	Thanh toán tiền điện	363.576
		6502	Thanh toán tiền nước	244.452
		6503	Thanh toán tiền nhiên liệu	201.726
		6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	11.688
	6550		Vật tư văn phòng	271.524
		6551	Văn phòng phẩm	151.524
		6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	60.000

		6599	Vật tư văn phòng khác	60.000
	6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	122.572
		6601	Cước phí điện thoại trong nước	9.789
		6603	Cước phí bưu chính	9.870
		6605	Phim ảnh	
		6608	Sách báo	2.833
		6616	Thuê bao cáp truyền hình	6.180
		6617	Cước phí internet	48.000
		6618	Khoán điện thoại	45.900
	6650		Hội nghị	6.571
		6651	In,mua tài liệu	6.571
		6658	Chi bù tiền ăn	-
	6700		Công tác phí	221.950
		6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	30.000
		6702	Phụ cấp công tác phí	25.000
		6703	Tiền thuê phòng ngủ	-
		6704	Khoán công tác phí	166.950
	6750		Chi phí thuê mướn	870.750
		6751	Thuê phương tiện vận chuyển	
		6757	Thuê lao động trong nước	
		6799	Chi phí thuê mướn khác	870.750
	6900		Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	-
		6901	Xe chuyên dùng	
		6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng	
		6906	Điều hòa nhiệt độ	
		6907	Nhà cửa	

		6911	Sách,tài liệu và chế độ dùng cho công tác chuyên môn.	-
		6912	Thiết bị tin học	
		6913	Máy photocopy	
		6921	Đường điện, cấp thoát nước	
		6949	Các tài sản và công trình hạ tầng khác	
		6954	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	-
	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	15.924.262
		7001	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành	15.669.662
		7002	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng (không là tài sản)	
		7004	Đồng phục, trang phục	254.600
		7012	Chi thanh toán hợp đồng thực hiện nghiệp vụ chuyên môn.	
		7049	Chi phí khác	
		7053		
III			Chi mua sắm,sửa chữa	500.000
	9050		Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	500.000
			Xe chuyên dùng	40.000
		9055	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng	140.000
		9056	Điều hòa nhiệt độ	130.000
		9062	Thiết bị tin học	150.000
		9099	Tài sản khác (máy phô tô+ điện + nước)	40.000
IV			Các khoản chi khác	171.500
	7750		Chi khác	171.500
		7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán	-

		7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện của các đơn vị dự toán	-
		7761	Chi tiếp khách	51.500
		7799	Chi các khoản khác	120.000

2. Hệ dự phòng:(đơn vị tính 1.000 đ)

Khoản	Mục	Nội dung	DỰ TOÁN 2024	
			Ngân sách	Phí,lệ phí
		Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
		Số thu phí, lệ phí	11.999.300	400.000
		<i>Thu từ nguồn NS</i>	11.999.300	
		<i>Dịch vụ y tế dự phòng</i>	-	102.358
		- Công tiêm		46.600
		- Vaccin		353.400
		<i>Chi từ nguồn thu dịch vụ y tế dự phòng</i>	-	297.642
		- Thuốc vật tư y tế		297.642
		<i>Chênh lệch Vác xin (Thu DV Vac xin-Thuốc)</i>		55.758
		<i>Số phí nộp NSNN dịch vụ y tế dự phòng</i>	-	2.047
		- Công tiêm		932
		- Vaccin		1.115
		Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		36.164
		Chi thường xuyên	11.999.300	-
		Chi thanh toán cá nhân	9.235.082	-
6000		Tiền lương	6.124.776	-
	6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt(HS 182,280)	3.937.248	
	6002	Lương tập sự, công chức dự bị(HS)		
	6049	Nâng lương hàng năm	351.528	
	6049	Cộng tác viên Dân số(340 người*450*12)	1.836.000	

	6049	Trợ cấp y tế áp Tổ y tế Thị trấn(17 người *1490*0,3*12)+BHYT áp(17 người*168)		
6100		Phụ cấp lương	2.106.302	-
	6101	Phụ cấp chức vụ(HS 7.3)	157.680	
	6105	Phụ cấp thêm giờ		
	6107	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm (HS 5,0)	108.000	
	6112	Phụ cấp ưu đãi (HS 79,345)	1.713.852	
	6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc (HS 0.7)	15.120	
	6114	Phụ cấp trực chống dịch 02 người		
	6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung (HS 5.169)	111.650	
	6149			
6200		Tiền thưởng	17.000	-
	6201	Thưởng thường xuyên theo định mức	17.000	
6250		Phúc lợi tập thể	-	-
	6249			
6300		Các khoản đóng góp	987.004	-
	6301	Bảo hiểm xã hội	736.151	
	6302	Bảo hiểm y tế	126.197	
	6303	Kinh phí công đoàn	84.132	
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	40.524	
		Chi nghiệp vụ chuyên môn	2.446.218	-
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	627.168	-
	6501	Thanh toán tiền điện	384.216	
	6502	Thanh toán tiền nước	120.000	
	6503	Thanh toán tiền nhiên liệu	50.952	
	6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	72.000	
6550		Vật tư văn phòng	252.000	-
	6551	Văn phòng phẩm	90.000	
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	86.400	

	6599	Vật tư văn phòng khác	75.600	
6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	202.800	-
	6601	Cước phí điện thoại trong nước	56.160	
	6603	Cước phí bưu chính	46.800	
	6605	Cước phí internet	31.200	
	6618	Khoản điện thoại	68.640	
6650		Hội nghị	-	-
6700		Công tác phí	219.024	-
	6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	31.200	
	6702	Phụ cấp công tác phí	31.824	
	6703	Tiền thuê phòng ngủ		
	6704	Khoản công tác phí	156.000	
6750		Chi phí thuê mướn	770.226	-
	6799	Chi phí thuê mướn khác	770.226	
6900		Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	280.000	-
	6907	Nhà cửa	280.000	
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	95.000	-
	7001	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành		
	7004	Đồng phục, trang phục	95.000	
	7049	Chi phí khác		
		Chi mua sắm, sửa chữa	300.000	-
9050		Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	300.000	-
	9056	Điều hòa nhiệt độ	150.000	
	9062	Thiết bị tin học	150.000	
		Các khoản chi khác	18.000	-
7750		Chi khác	18.000	-
	7761	Chi tiếp khách	18.000	
	7799	Chi các khoản khác		

3. TYT xã: (đơn vị tính 1.000 đ)

STT	Khoản	Mục	Nội dung	DỰ TOÁN 2024	
				Ngân sách	Viện phí
A			Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1			Số thu phí, lệ phí	16.853.919	3.666.075
			<i>Thu viện phí</i>		3.666.075
			<i>Thu từ nguồn NS</i>	16.853.919	
2			Chi từ nguồn thu phí được để lại	16.853.919	3.666.075
			<i>Chi NS</i>	16.853.919	
			<i>Chi viện phí</i>		3.666.075
B			Chi thường xuyên	16.853.919	3.666.075
I			Chi thanh toán cá nhân	14.017.309	-
	6000		Tiền lương	6.445.790	-
		6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt(HS 272,930)	5.895.288	-
		6003	Lương tập sự, công chức dự bị(HS)	-	-
		6049	Tăng lương hàng năm	550.502	-
		6049	Lương khác(ăn trực 19 người)	-	-
	6100		Phụ cấp lương	5.383.013	-
		6101	Phụ cấp chức vụ (HS 5,55)	119.880	-
		6102	Phụ cấp khu vực (HS 3.4)	73.440	-
		6105	Phụ cấp thêm giờ	-	-
		6107	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm (HS 14.40)	317.520	-
		6112	Phụ cấp ưu đãi nghề (HS 209,8151)	4.532.006	-
		6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc(HS)	-	-
		6114	Phụ cấp trực 17 người	268.260	0
		6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung (HS 3,329)	71.906	-
	6200		Tiền thưởng	49.642	-
		6201	Thưởng thường xuyên theo định mức	49.642	-
	6250		Phúc lợi tập thể	-	-
		6299		-	-
		6257	Tiền nước uống	-	-
	6300		Các khoản đóng góp	1.430.462	-
		6301	Bảo hiểm xã hội	1.065.238	-
		6302	Bảo hiểm y tế	182.612	-
		6303	Kinh phí công đoàn	121.741	-

		6304	Bảo hiểm thất nghiệp	60.871	-
	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	708.402	-
		6449	Khác (BHYT nhân viên y tế áp 117 người *168)	19.656	-
		6449	Trợ cấp, phụ cấp khác(BS 2 xã vs ,8 xã đb)	64.800	-
		6449	Trợ cấp, phụ cấp khác(Y tế áp 117*1800*0,3*12)	758.160	-
II			Chi nghiệp vụ chuyên môn	2.836.610	3.270.723
	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	491.020	199.757
		6501	Thanh toán tiền điện	243.520	137.333
		6502	Thanh toán tiền nước	119.340	41.616
		6503	Thanh toán tiền nhiên liệu	18.360	14.566
		6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	109.800	6.242
	6550		Vật tư văn phòng	571.240	170.626
		6551	Văn phòng phẩm	320.320	124.848
		6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	146.880	24.970
		6599	Vật tư văn phòng khác	104.040	20.808
	6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	99.144	62.424
		6601	Cước phí điện thoại trong nước	62.424	18.727
		6603	Cước phí bưu chính	-	24.970
		6605	Phim ảnh,thuê bao điện thoại		
		6606			
		6611	Ấn phẩm truyền thông		
		6612	Sách báo tạp chí văn nghệ		
		6616	Thuê bao cáp truyền hình		
		6617	Cước phí internet	36.720	18.727
		6618	Khoán điện thoại		
	6650		Hội nghị	-	-
		6651			
		6658	Chi bù tiền ăn		
	6700		Công tác phí	257.040	87.394
		6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	128.520	18.727
		6702	Phụ cấp công tác phí	128.520	27.050
		6703	Tiền thuê phòng ngủ	-	-
		6704	Khoán công tác phí		41.616
	6750		Chi phí thuê mướn	367.200	221.045
		6751	Thuê phương tiện vận chuyển	20.000	10.404

		6757	Thuê lao động trong nước	-	-
		6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	-	-
		6799	Chi phí thuê mướn khác	267.200	210.641
	6900		Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	-	355.837
		6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng	-	-
		6906	Điều hòa nhiệt độ	-	51.000
		6907	Nhà cửa	-	26.010
		6911	Sách,tài liệu và chế độ dùng cho công tác chuyên môn.	-	-
		6912	Thiết bị tin học	-	79.070
		6913	Máy photocopy	-	-
		6916	Máy bơm nước	-	62.424
		6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy vi tính	-	62.424
		6921	Đường điện, cấp thoát nước	-	74.909
		6949	Các tài sản và công trình hạ tầng khác	-	-
	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	426.726	2.173.641
		7001	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành	-	2.026.761
		7002	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng (không là tài sản)	-	-
		7003	Chi mua, in ấn, phô tô tài liệu chỉ dùng cho chuyên môn của ngành	150.000	146.880
		7004	Đồng phục, trang phục	174.420	-
		7049	Chi phí khác	102.306	-
III			Chi mua sắm,sửa chữa	208.080	208.080
	9050		Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	208.080	208.080
		9056	Điều hòa nhiệt độ	173.400	112.710
		9062	Thiết bị tin học	34.680	95.370
		9099	Tài sản khác	-	-
IV			Các khoản chi khác	416.160	187.272
	7750		Chi khác	416.160	187.272
		7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán	-	-
		7761	Chi tiếp khách	416.160	187.272
		7799	Chi các khoản khác	-	-
		8006		-	-

Số: /BC-TTYT

Cần Đước, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
Tổng kết hoạt động năm 2023
và phương hướng hoạt động năm 2024

PHẦN I: BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Thuận lợi:

- Cơ sở vật chất đã được xây dựng và sử dụng nhiều năm nhưng về cơ bản vẫn còn khá tốt và qui củ, trang thiết bị tương đối hiện đại và đầy đủ.
- Mặc dù điều kiện còn khó khăn nhưng với tinh thần đoàn kết nỗ lực phấn đấu của Ban lãnh đạo Trung tâm Y tế cùng với sự đồng thuận của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong toàn đơn vị mà toàn thể cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị luôn an tâm công tác.
- Quy trình đăng ký và khám bệnh được quản lý trên hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện thực hiện khá tốt đảm bảo sự công bằng trong tham gia khám, chữa bệnh và giảm thời gian chờ đợi của người bệnh. Tuy nhiên do phần mềm thay đổi sau nhiều năm sử
- Được sự chỉ đạo của Sở Y tế, của Đảng ủy Y tế, sự quan tâm của Ban lãnh đạo Trung tâm Y tế và sự đồng thuận của toàn thể cán bộ công chức viên chức người lao động, công tác đoàn thể của đơn vị đã phát huy hết vai trò, chức năng nhiệm vụ đã bảo vệ được quyền lợi hợp pháp chính đáng của của cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

2. Khó khăn:

- Công tác nhân sự: Biên chế của Trung tâm Y tế huyện Cần Đước còn thiếu quá nhiều so với biên chế được giao hiện tại 272/353 thiếu 81 biên chế (đang đào tạo tập trung: 03, hiện đang công tác 269. Hiện tại tuyến huyện còn thiếu nhiều chức danh bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa như: bác sĩ chuyên khoa ngoại, bác sĩ Gây mê hồi sức, chuyên khoa RHM, Mắt...chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao.
 - + Bác sĩ khối dự phòng hiện chỉ mới tuyển được thêm 02 bác sĩ YTDP trong năm 2020 và năm 2021, đa số cán bộ YTDP chưa có đào tạo chuyên về dự phòng.
 - + Bác sĩ tại các xã chưa phủ kín 100% hiện còn 07 xã chưa có biên chế bác sĩ mà chỉ có tăng cường từ xã khác: Long Định, Long Cang, Tân Trạch, Mỹ Lệ, Thị trấn, Tân Chánh, Phước Tuy.

+ Nguồn tuyển dụng bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa không có nguồn. Nguồn đào tạo bác sĩ từ y sĩ hiện tại không còn nhiều đa số chức danh này đang học chuyển chức danh khác, do định hướng tới 2025 tinh giản trung cấp.

+ Quy trình tuyển dụng thay đổi, tuyển dụng theo đề án vị trí việc làm. Quy trình mất nhiều thời gian do đó nhân sự bổ sung không kịp thời.

+ Do biên chế thiếu nên khi đưa đi đào tạo một người phải kiêm nhiệm một lúc 2 - 3 công việc, cùng một lúc không thể sắp xếp đưa đi chuẩn hóa được nên chất lượng phục vụ chưa cao.

+ Đa số các cán bộ quản lý chưa được đào tạo về quản lý.

- Về cây cảnh: nguồn đất trồng cây của bệnh viện là nguồn cát lấp dày 2m không thuận lợi cho cây cối phát triển. Nguồn nước ngầm thiếu không đủ tưới cây cho mùa khô.

- Về công tác bảo vệ cơ quan: lực lượng bảo vệ chưa được tập huấn nghiệp vụ, lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp chỉ đảm nhận một phần công việc. Khuôn viên rộng nên công tác phòng ngừa còn hạn chế.

- Về công tác đoàn thể: cán bộ làm công tác đoàn thể đa số là người mới chưa có kinh nghiệm nên công tác tổ chức và tập hợp quần chúng còn hạn chế..

II. HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÁNH VÀ ĐOÀN THỂ:

1. Tổng số cán bộ công chức: 272 và 04 hợp đồng Nghị định 111.

a. Bệnh viện đa khoa: 134 (trong đó: biên chế hệ điều trị là 117 biên chế, Hợp đồng theo Nghị định 111 là 02 và có 15 biên chế hệ dự phòng hỗ trợ).

b. Cơ sở 2: 28 (trong đó: biên chế: 26, HĐ theo ND 111: 02).

c. Dự phòng: 23

d. Trạm Y tế xã: 91

2. Cơ cấu tổ chức nhân sự:

- Tổng số nhân sự: 276 (trong đó: biên chế: 272, Hợp đồng theo nghị định: 04). Trong đó nữ 194. Biên chế duyệt năm 2023 là 353 biên chế. Nghỉ hưu năm 2023: 03 người. Nghỉ việc: 01 người.

- Trong đó:

+ Hệ điều trị: nhân sự hiện có: 134 người (trong đó biên chế: 117, HĐ 111: 02 và 15 biên chế hệ dự phòng hỗ trợ). Hiện có 21 bác sĩ (Ban lãnh đạo: 02 bác sĩ, Phòng KHNH: 02 bác sĩ, Tổ YHCT: 03 bác sĩ, Khoa LCK: 02 bác sĩ, Khoa HSCC&TCCĐ: 03 bác sĩ, Khoa Khám bệnh: 03 bác sĩ, Khoa Nhi: 01 bác sĩ, Khoa Nội - Nhiễm: 03 bác sĩ. Khoa CSSKSS: 02 bác sĩ).

+ Hệ dự phòng: Biên chế dự phòng là 45. Nhân sự hiện có 22 biên chế (04 bác sĩ).

+ Trung tâm Y tế huyện Cần Đức: Biên chế duyệt 207, Biên chế hiện có 155, Thiếu 52 biên chế. Hiện có 25 Bác sĩ (hệ điều trị và dự phòng).

+ Trung tâm Y tế huyện Cần Đức cơ sở 2: số biên chế duyệt 36 biên chế, biên chế hiện có: 26. Thiếu 10 biên chế. Hiện có 03 bác sĩ.

+ Trạm y tế xã: số biên chế duyệt 110 biên chế, nhân sự hiện có: 91. Thiếu 19 biên chế. Hiện có 10 bác sĩ.

- Tổng số 38 bác sĩ (tỉ lệ BS/10.000 dân là: 2,06; tính 9/10.000 dân.

- Do tình hình sau dịch bệnh nên mọi hoạt động khám chữa bệnh đều bị có dân tăng trở lại nhưng vẫn chưa trở lại như trước thời kỳ dịch. Nguồn thu bị giảm sút, thu nhập nhân viên y tế bị giảm cũng ảnh hưởng phần nào đến cuộc sống của NVYT.

- Tổng số Đảng viên: 122 đảng viên. Có 03 Chi bộ trực thuộc Đảng ủy Y tế (Chi bộ Bệnh viện, Y tế dự phòng – Dân số, TTYT Cần Đức cơ sở 2), tổng số: 68 đảng viên. Các đảng viên thuộc TYT xã thuộc Đảng ủy địa phương, tổng số: 54 đảng viên.

- Công tác tuyển dụng năm 2023: Trong năm 2023 TTYT đã tuyển dụng được 01 viên chức/35 chỉ tiêu và đang thực hiện tuyển dụng lần 2 năm 2023.

- Công tác đào tạo năm 2023: Trong năm 2023 TTYT đã cử 01 Bác sĩ học CKI chuyên ngành YHCT; Trung cấp chính trị: 02; Học cao đẳng điều dưỡng ngoài giờ hành chính: 10; Hai Bác sĩ đã hoàn thành khoá học chuyên khoa Nhi và chuyên khoa TMH.

- Tổng số người hiện đang được đào tạo: 15 người.

3. Công tác hành chính quản trị:

- Thực hiện tốt công tác cung ứng, dự trữ mua sắm vật tư thông dụng: xây dựng kế hoạch cung ứng hàng năm: Cung ứng đầy đủ và kịp thời mua sắm các vật tư thông dụng theo định mức đảm bảo sử dụng hiệu quả và hợp lý.

- Công tác bảo vệ ANTT đặc biệt được quan tâm: tổ chức trực bảo vệ 24/24 để đảm bảo ANTT cơ quan; phối hợp tốt với công an thị trấn trong công tác bảo vệ ANTT cơ quan. Nêu cao tinh thần tự phòng, tự quản, tự kiểm tra.

- Thường xuyên kiểm tra định lý các trang thiết bị phòng chống cháy nổ của đơn vị. Định kỳ tổ chức tập huấn nghiệp vụ chữa cháy cho anh em khi có cháy nổ xảy ra.

- Bố trí nhiều cây xanh tạo cảnh quang tươi mát. Khuôn viên rộng rãi, thoáng mát.

- Đảm bảo cung cấp đủ điện, nước sạch và hệ thống xử lý chất thải.

- Quản lý tốt tài sản. Tiến hành kiểm kê định kỳ, sắp xếp kho tàng hợp lý, thường xuyên tiến hành sửa chữa bảo dưỡng, duy tu nhà cửa, thiết bị. Thanh lý tài sản đúng theo quy định.

- Sử dụng xe cứu thương đúng mục đích.

- Đội ngũ lái xe cứu thương làm việc với tinh thần và trách nhiệm cao: thực hiện tốt qui chế thường trực cấp cứu, đảm bảo đưa đón người bệnh an toàn. Thực hiện nghiêm điều lệ an toàn giao thông. Định kỳ bảo quản xe để đảm bảo công tác cấp cứu người bệnh.

4. Công tác đoàn thể:

- Cùng chính quyền chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, giúp tăng thu nhập ngoài lương, yên tâm công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Đóng góp các quỹ xã hội từ thiện đúng theo qui định. Cử đoàn viên công đoàn hỗ trợ các đoàn khám xã hội từ thiện như đoàn khám phụ khoa...

- Phát động các phong trào thi đua như “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; “Thực hiện Quy tắc ứng xử của người cán bộ y tế”; “Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu khoa học”, “Cam kết giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành Y tế”.

- Hoạt động của Hội chữ thập đỏ Trung tâm Y tế huyện Cần Đước ngày càng đi lên. Trong năm Hội phát động hội viên tham gia hiến máu nhân đạo có 13 nhân viên tham gia.

- Công tác Đoàn thanh niên: thực hiện tốt các phong trào do đơn vị và đoàn cấp trên phát động.

5. Kết quả kiểm tra cuối năm:

Chưa kiểm tra.

6. Giường bệnh (kế hoạch/thực kê):

a. Bệnh viện (kế hoạch/thực kê): 160/214.

b. Cơ sở 2 (kế hoạch/thực kê): 30/38.

III. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

A. Các chương trình mục tiêu Y tế:

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Năm 2023	Kết quả đạt	Ghi chú
1	Bác sĩ/vận dân	Bác sĩ/vận dân	3	2,06	Chưa đạt
2	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi):	%	$\leq 5,14$	4,52	Đạt
3	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	≥ 95	95,1	Đạt
4	Giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh	số bé trai/ bé gái	104/100	100,99/100	Đạt
5	Mức giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên	%	0,01	0,01	Đạt
6	Củng cố và duy trì 17/17 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	xã	17	17/17	Đạt
7	Phấn đấu mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đủ điều kiện sinh đủ 02 con	%	> 60	61,14	Đạt
8	Các chương trình Y tế quốc gia	Chương trình	Tốt	Tốt	Đạt
9	Tỷ lệ tham gia BHYT toàn dân	%	≥ 96	96,01	Đạt

B. Hoạt động phòng chống dịch: (Phụ lục 1).

C. Khám chữa bệnh:

1. Điều trị: (Phụ lục 2).

2. Hoạt động chỉ đạo tuyến:

a. Chỉ đạo tuyến:

- Duy trì việc luân phiên các bác sĩ xã về bệnh viện để củng cố về chuyên môn cấp cứu - hồi sức.

- Thực hiện việc cử bác sĩ từ TYT xã này về các TYT xã khác chưa có bác sĩ để hỗ trợ công tác khám chữa bệnh (đảm bảo tối thiểu mỗi tuần có ít nhất 02 buổi có bác sĩ khám bệnh tại trạm).

b. Thực hiện đề án 1816:

- TTYT đã có kế hoạch thực hiện việc luân phiên cán bộ cho tuyến dưới theo điều kiện về nhân lực và yêu cầu của tuyến dưới.

- Trong năm 2023 TTYT đã thực hiện được các công tác chuyển giao cho tuyến dưới như sau:

- TTYT đã có kế hoạch thực hiện việc luân phiên cán bộ cho tuyến dưới theo điều kiện về nhân lực và yêu cầu của tuyến dưới.

- Trong 12 tháng đầu năm TTYT đã thực hiện được các công tác chuyển giao cho tuyến dưới như sau:

+ Phân công các bác sĩ của các TYT về tham gia công tác cấp cứu tại bệnh viện nhằm nâng cao năng lực cấp cứu tại cơ sở.

+ Phân công các bác sĩ của TYT này đến TYT khác chưa có bác sĩ nhằm đảm bảo mỗi tuần có ít nhất 02 buổi có bác sĩ khám chữa bệnh tại trạm.

+ Tổ chức đào tạo lại cho các cán bộ y tế tuyến xã tại TTYT (trung bình 02 tuần lễ cho 01 khóa đào tạo lại).

3. Các công tác khác:

a. Xây dựng cơ bản:

Dự án xây dựng TTYT huyện Cần Đước cơ sở 2 khối nội trú 20 giường và cải tạo một số hạng mục hiện có đang được triển khai.

b. Trang thiết bị y tế:

Để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh từ đầu năm TTYT cũng trang bị thêm một số trang thiết bị y tế từ nguồn vốn tự có.

c. Khám ngoại viện:

- Trong năm 2023 TTYT đã phối hợp với Hội Chữ thập đỏ huyện tổ chức khám cho các tình nguyện viên hiến máu nhân đạo 616 lượt người.

- Phòng Dân số huyện tổ chức chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản trên toàn huyện.

- Phối hợp với BCHQS huyện thực hiện tốt công tác khám sức khỏe cho thanh niên thuộc diện khám NVQS trong huyện: Tổng số khám 696 thanh niên, trúng tuyển 567 (đạt 81,47%).

d. Thực hiện chỉ thị 06/2007/CT-BYT:

- Trong 12 tháng năm 2023 có 01 cuộc gọi nào gọi vào đường dây nóng của trung tâm.

- TTYT bố trí tăng phòng khám vào các thứ Hai và thứ Sáu hàng tuần, cải tiến qui trình khám bệnh tại khoa Khám bệnh đã rút ngắn thời gian chờ đợi của bệnh nhân rất nhiều.

- Nội trú: bố trí thêm phòng, giường bệnh và tăng cường năng lực điều trị của các khoa lâm sàng nhằm rút ngắn thời gian nằm viện, tránh tình trạng hai bệnh nhân phải nằm cùng một giường.

4. Thu chi tài chính năm 2023 (đơn vị tính 1.000 đồng):

Thu	Năm 2022 (VNĐ)	Năm 2023(VNĐ)
Hệ dự phòng	6.870.000.000	9.327.760.000
Bệnh viện đa khoa	22.295.010.449	31.636.254.000
TTYT Cần Đức cơ sở 2	2.400.00.000	2.123.927.000
Các TYT xã	12.490.705.000	14.746.480.000
Chi	Năm 2022 (VNĐ)	Năm 2023 (VNĐ)
Hệ dự phòng	6.870.000.000	7.670.923.000
Bệnh viện đa khoa	24.922.678.666	29.099.596.000
TTYT Cần Đức cơ sở 2	2.900.000.000	4.131.166.000
Các TYT xã	12.490705.000	14.746.480.000

IV. ĐÁNH GIÁ:

- Công tác hoạt động các chương trình hệ dự phòng hiệu quả cao, trong năm đã phối hợp với các ban ngành đoàn thể trong huyện tổ chức khống chế dịch trong địa phương rất hiệu quả.

- Các chỉ tiêu cận lâm sàng của bệnh viện đều tăng so với năm 2022 và đạt được kế hoạch đề ra.

- Chỉ tiêu khám bệnh tăng hơn so với năm 2022 nhưng số bệnh nhân điều trị nội trú, ngày điều trị nội trú và công suất giường bệnh không đạt được kế hoạch đề ra.

- Các trạm Y tế xã đều đạt được bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã.

- Tuy nhiên do tình hình thiếu nhân lực chung của toàn ngành Y tế của tỉnh nói chung và của Trung tâm Y tế huyện Cần Đức nói riêng nên trong công tác chăm sóc người bệnh chưa được chu đáo.

V. ĐỀ NGHỊ, KIẾN NGHỊ:

- Tỉnh hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của TTYT do nguồn thu giảm nhiều trong tình hình đại dịch.

- Sở Y tế có chính sách thu hút bác sĩ về địa phương công tác.

- Từ năm 2021, viên chức tuyển dụng vào chức danh điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y cần phải tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên. Quy định này khiến cho công tác tuyển dụng gặp nhiều khó khăn do trường Trung cấp Y tế Long An và các

Trường khác đã ngừng đào tạo trình độ trung cấp, nhân lực y tế nghỉ hưu, nghỉ việc ngày càng nhiều, hồ sơ đăng ký tuyển dụng ngày càng giảm gây thiếu hụt nguồn nhân lực cho ngành Y tế. Đề xuất gia hạn thời gian cho phép tuyển dụng điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y trình độ trung cấp đến ngày 01/01/2026.

PHẦN II: PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC – HÀNH CHÁNH:

- Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo đủ số lượng cơ cấu chức danh và phân bổ hợp lý, nâng cao năng lực chuyên môn, chú trọng công tác y tế dự phòng tuyến huyện xã có đủ khả năng kiểm soát dịch bệnh, các bệnh truyền nhiễm, các chương trình y tế quốc gia, chương trình trọng điểm góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- Xây dựng lộ trình đào tạo, tuyển dụng bổ sung nhân sự đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- Phát triển đội ngũ chuyên môn, đào tạo chuyên khoa.
- Tạo điều kiện cử cán bộ trẻ đủ thâm niên đi học chuẩn hóa chuyên môn nhất là đào tạo bác sĩ từ nguồn nhân lực tại chỗ.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ sau đại học, YTCC, YTDP và các chuyên khoa đang thiếu.
- Đề nghị Sở Y tế có kế hoạch thu hút nhân tài để thu hút bác sĩ về tỉnh nhà công tác và có kế hoạch phân bổ bác sĩ cho Cần Đức.
- Đề nghị Sở Y tế nghiên cứu hợp đồng đào tạo chuyên khoa tại tỉnh tạo điều kiện cho bác sĩ vừa học vừa làm.
- Tăng cường công tác bảo vệ an ninh trật tự an toàn cơ quan. Tăng cường tuần tra canh gác. Cử anh em bảo vệ tập huấn nâng cao nghiệp vụ bảo vệ. Tăng cường công tác phối hợp với công an thị trấn trong xử lý tình huống.
- Cử cán bộ làm công tác đoàn thể tập huấn nghiệp vụ khi cấp trên tổ chức.

II. CÔNG TÁC KHÁM VÀ CHỮA BỆNH:

1. Một số nhiệm vụ và giải pháp:

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương, của tỉnh, huyện về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- Quan tâm công tác giáo dục, bồi dưỡng y đức; thực hiện quy tắc ứng xử, kỹ năng giao tiếp; nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, người bệnh.
- Phát động phong trào “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, thực hiện phương châm “Lương y phải như từ mẫu”, thực hiện tốt 12 điều y đức, các quy định của ngành.
- Thực hiện Quy chế dân chủ, công khai minh bạch các chế độ chính sách của CBCCVC và các hoạt động của Trung tâm. Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, bảo hộ lao động nghề nghiệp...cho CBCCVC đúng theo quy định của nhà nước. Phát động phong trào thi đua giữa các khoa phòng, các cá nhân trong thực thi nhiệm vụ.

- Bảo đảm không gian bệnh viện xanh sạch đẹp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ về xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình khám chữa bệnh và quyết toán BHYT.

- Cải cách thủ tục hành chính, tổ chức thêm phòng khám bệnh, cải tiến quy trình khám chữa bệnh ngoại trú sao cho tiện lợi hơn. Triển khai thêm kỹ thuật mới, mở rộng khu nội trú tạo điều kiện thoải mái cho người bệnh nằm viện. Từng bước hoàn thiện về nhân sự và trang thiết bị để triển khai ngoại khoa.

- Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư y tế tiêu hao phục vụ cho công tác khám chữa bệnh. Hội đồng thuốc của Bệnh viện tổ chức giám sát thường xuyên, nhằm củng cố kịp thời các mặt còn hạn chế trong khi kê đơn điều trị.

- Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn bằng nhiều giải pháp như: đưa bác sĩ, điều dưỡng tham gia các buổi hội thảo, tập huấn về chuyên môn do tuyển trên tổ chức; gởi đào tạo các chuyên khoa hoặc đào tạo tại chỗ...

- Duy trì đường dây nóng, hòm thư góp ý, lịch tiếp dân để kịp thời giải quyết những ý kiến phản ánh của nhân dân.

2. Tiếp tục thực hiện chương trình đột phá theo lộ trình

- Cấp cứu – Hồi sức:

- + Tổ chức tập huấn và đào tạo tại chỗ về công tác cấp cứu hồi sức cho bác sĩ và điều dưỡng đặc biệt là các kỹ thuật shock tim trong cấp cứu hồi sức tim mạch, kỹ thuật thở máy không xâm nhập và xâm nhập.

- + Tập huấn kỹ thuật lấy máu động mạch để thực hiện xét nghiệm khí máu động mạch.

- Chẩn đoán hình ảnh:

- + Từ việc đã triển khai Nội soi dạ dày tá tràng phục vụ cho chẩn đoán các bệnh lý dạ dày tá tràng và tiến tới nội soi can thiệp xử trí cấp cứu bệnh lý dạ dày tá tràng.

- + Nâng cao nội soi tai mũi họng, tiến hành thực hiện nội soi can thiệp và phối hợp với bộ phận nội soi dạ dày tá tràng thực hiện nội soi can thiệp bằng ống soi mềm trong chẩn đoán và điều trị các bệnh lý tai mũi họng khi bác sĩ chuyên khoa TMH bắt đầu công việc tại khoa.

- + Triển khai siêu âm tim và siêu âm mạch máu.

- + Thực hiện ngày càng tốt kỹ thuật siêu âm qua đầu dò âm đạo để phục vụ cho chẩn đoán các bệnh lý sản phụ khoa.

- + Sử dụng tốt hơn nữa máy X - quang di động chụp X - quang tại giường để phục vụ tốt nhất cho công tác chẩn đoán các bệnh cấp cứu hồi sức. Thực hiện kết nối giữa X – quang và bác sĩ lâm sàng từ mạng nội bộ (LAN) qua phần mềm Efilm.

+ Triển khai thực hiện chụp CT-Scanner (trước mắt thực hiện kỹ thuật không cản quang).

- Xét Nghiệm:

+ Chuyển giao thêm các kỹ thuật xét nghiệm sinh hóa cho TTYT huyện Cần Đức cơ sở 2.

+ Triển khai các xét nghiệm hỗ trợ cho chẩn đoán lâm sàng như các xét nghiệm sinh hóa (ngoài các xét nghiệm đã thực hiện được) trên cơ sở phát huy hết năng lực của máy sinh hóa tự động, các xét nghiệm khí máu động mạch, các xét nghiệm miễn dịch học, các xét nghiệm về điện giải đồ, cấy, phân lập vi khuẩn và làm kháng sinh đồ...và triển khai thực hiện các xét nghiệm về miễn dịch học trên cơ sở máy miễn dịch vừa được trang cấp.

- Y học cổ truyền:

Tập trung triển khai các kỹ thuật YHCT mới trên cơ sở sử dụng hiệu quả các thiết bị do Dự án xây dựng bệnh viện cung cấp như máy điện từ trường điều trị, máy laser điều trị, máy châm cứu...Thực hiện một số kỹ thuật phục hồi chức năng trong điều trị.

- Ngoại khoa:

Hoàn thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho công tác triển khai ngoại khoa.

- Liên kết các bệnh viện tuyến trên tạo điều kiện chuẩn hóa trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ.

3. Tổ chức thực hiện:

a. Ban Giám Đốc:

- Thường xuyên tuyên truyền phổ biến pháp luật và giáo dục, bồi dưỡng ý thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Phân công trách nhiệm từng thành viên ban giám đốc, quy chế làm việc, chủ động tham mưu đề xuất kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Xây dựng lịch làm việc cho từng thành viên trong ban giám đốc, có kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất cho từng lĩnh vực mà mình phụ trách.

- Tham gia, điều hành các cuộc họp giao ban khối chuyên môn, khối hành chính, kiểm thảo tử vong, bình bệnh án, hội đồng thuốc...và họp cùng các khoa.

- Tham mưu và báo cáo kịp thời cho Đảng, Nhà nước, ngành chuyên môn cấp trên về các hoạt động của Trung tâm Y tế, đề tranh thủ mọi điều kiện giúp Trung tâm Y tế hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Duy trì đường dây nóng, hòm thư góp ý, lịch tiếp dân.

- Chăm lo đời sống tinh thần cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức.

b. Các phòng và khoa:

- Phòng Tổ chức hành chính:

+ Xây dựng Đề án nhân sự, rà soát hoàn chỉnh các quy định về định mức biên chế cán bộ y tế phù hợp.

+ Tham mưu, trình BGD quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức học tập, đào tạo theo phân cấp quản lý.

+ Bố trí, sử dụng cán bộ sau khi học xong, phù hợp với chuyên ngành đào tạo và tạo môi trường làm việc thuận lợi để CBCC phát huy năng lực chuyên môn được đào tạo.

+ Công khai minh bạch xét nâng bậc lương, khen thưởng hàng năm.

+ Công khai minh bạch thi tuyển viên chức, giải quyết chế độ hưu trí và nghỉ việc, chế độ nghỉ dưỡng...

- Phòng Kế hoạch nghiệp vụ:

+ Giúp Ban giám đốc theo dõi tổng hợp tình hình hoạt động chuyên môn; rà soát kiểm tra, bảo trì TTBYT, việc thực hiện quy chế chuyên môn; xây dựng kế hoạch bổ sung từng kỳ đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

+ Tham mưu đề xuất triển khai kỹ thuật mới, củng cố các mặt hoạt động chuyên môn.

+ Tổ chức giám sát củng cố các mặt hoạt động cũng như việc triển khai thực hiện kế hoạch.

- Phòng Điều dưỡng:

Triển khai có hiệu quả công tác chăm sóc người bệnh ở các khoa lâm sàng, làm việc theo ca ở khoa Cấp cứu. Chăm sóc, theo dõi sát diễn biến bệnh, phát hiện sớm các diễn biến phức tạp của bệnh để kịp thời xử trí. Thực hiện văn hoá ứng xử trong giao tiếp, phục vụ người bệnh không ngừng được nâng lên.. .

- Phòng Tài chính kế toán:

+ Giúp giám đốc xây dựng kế hoạch thu, chi ngân sách hàng năm của Trung tâm, kế hoạch chi tiêu nội bộ công khai minh bạch trên hệ thống thông tin điện tử của ngành.

+ Phối hợp cùng phòng tổ chức hành chính cung ứng vật tư tiêu hao kịp thời đến các khoa phòng phục vụ tốt cho người bệnh theo quy định.

+ Tham mưu thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, phụ cấp, bảo hộ lao động, nghỉ dưỡng, các chính sách theo quy định của ngành cho CCVC.

- Các khoa: Phối hợp thực hiện.

III. CÔNG TÁC Y TẾ DỰ PHÒNG:

- Ổn định về cơ sở hoạt động, tăng cường trang thiết bị, phương tiện phòng chống dịch.

- Tuyên dụng nhân sự đủ mạnh cho công tác dự phòng khi có dịch xảy ra.

- Tham gia sinh hoạt khoa học kỹ thuật về lĩnh vực dự phòng để nhằm nâng cao trình độ chuyên môn áp dụng thực tiễn tại địa phương.
- Thực hiện tốt công tác chỉ đạo tuyến đối với tuyến xã.
- Tổ chức tập huấn cho tuyến xã về công tác dự phòng.
- Củng cố và duy trì chuẩn quốc gia về y tế xã.
- Hoàn thành các chương trình mục tiêu về y tế quốc gia.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông GDSK trong cộng đồng.
- Phối hợp chặt chẽ giữa công tác dự phòng và điều trị.
- Tranh thủ sự hỗ trợ của lãnh đạo cấp trên về vật chất và kinh phí hoạt động.
- Củng cố phòng khám ngoại trú điều trị bằng ARV (OPC) cho bệnh nhân HIV/AIDS bằng quỹ BHYT.
- Củng cố công tác điều trị lao bằng quỹ BHYT./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh Long An (phòng KHTC);
- UBND huyện Cần Đước;
- Phòng Y tế;
- Lãnh đạo TTYT;
- Các khoa, phòng trực thuộc;
- Lưu: VT, KHNv.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Văn Công Mẫn

*** Các phụ lục:

1. Phụ lục 1: Tổng kết hoạt động công tác hệ dự phòng năm 2023.
2. Phụ lục 2: Tổng kết hoạt động hệ điều trị năm 2023.

Phụ lục 1: Tổng kết các chỉ tiêu hoạt động của hệ dự phòng

1. Phòng chống dịch bệnh: (số lượng các bệnh nhiễm):

+ Ghi nhận 00 cas cúm A (H1N1)

+ Các loại dịch bệnh khác không ghi nhận.

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
1. Tả	00	00
2. Thương hàn	01	01
3. Lỵ trực trùng	00	00
4. Lỵ amip	00	00
5. HC lỵ	00	00
6. Tiêu chảy	33	64
7. Hội chứng não cấp	00	00
8. SXH	261	1.502
9. VGSV	157	177
10. HC màng não	00	00
11. Thủy đậu	01	06
12. Bạch hầu	00	00
13. Ho gà	00	00
14. UVSS	00	00
15. UV khác	00	00
16. Liệt mềm cấp	00	00
17. Sởi	00	01
18. Quai bị	00	03
19. Cúm	04	00
20. APC	00	00
21. Dịch hạch	00	00
22. Bệnh than	00	00
23. Lepto	00	00
28. Tay – Chân – Miệng	736	283
29. Covid-19	05	210

* **Nhận xét:** Tình hình dịch bệnh ổn, TCM tăng 61,5% so với cùng kỳ 2022.

Ghi nhận 5 ca mắc covid-19 giảm 97,6% so với năm 2022.

2. Phòng chống sốt xuất huyết:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
- Tổng số ca Sốt xuất huyết:	261	1613
+ SXH Dengue	253	1529
+ SXH Dengue có DH cảnh báo	00	00
+ Sốt Dengue nặng	08	84
- Số ca tử vong:	00	00

* **Nhận xét:** SXH giảm 6,2 lần so với cùng kỳ năm 2022 (1613ca), độ nặng 08, giảm 76 ca với cùng kỳ 2022 (84ca). Ghi nhận 49 ổ dịch, giảm 318 ổ dịch so với cùng kỳ 2022 (367 ổ dịch).

3. Phòng chống sốt rét: Tình hình sốt rét ổn định.

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
- Tổng số người bệnh phát hiện	00	00
- Số BN được điều trị	00	00
- Số lam xét nghiệm	456	1.115
- Số người KSTSR(+)	00	00
- Số lượng mùng tẩm hoá chất	00	00
- Tự điều trị	00	00

Nhận xét: Tổng số lam xét nghiệm sốt rét trong năm 2023 thực hiện đạt vượt chỉ tiêu (56 lam).

4. Phòng chống phong:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
- Bệnh mới phát hiện	00	00
Trong đó tàn phế độ II	00	00
- Khám tiếp xúc	00	00
- Khám phát hiện bệnh phong	10.187	10.355
- Tổng số BN phong quản lý	12	13
- Số BN đang điều trị	00	00
- Số BN đang giám sát	01	02
- Số BN đang giáo dục PCTP	11	12

5. Phòng chống lao:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
- Bệnh chuyển sang		
- Thu dung trong tháng	238	182
Trong đó : Lao BK (+)	193	147
Lao BK (+) mới	166	134
- Tổng số ngưng trị :	218	141
Trong đó : + BK (+) âm hóa	146	95
+ Hoàn thành	43	34
+ Thất bại	01	01
+ Chết	21	08
+ Bỏ trị	02	02
+ Chuyển, khác	01	01
- Hiện đang quản lý	142	118
- Số người nghi lao XN đàm	2.200	309
- Số lam thực hiện	1.112	740
+ Lam kiểm soát / Lam (+)	412/09	278/05
+ Lam phát hiện / Lam (+)	654/66	380/12
- Điều trị ngoại trú có kiểm soát	163	139

Nhận xét: tiến độ thực hiện xét nghiệm đàm 2.200/1.977 đạt 111,27%.

6. Phòng chống bướu cổ:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
- Tổng số BN khám bướu cổ	294	219
+ Bướu cổ đơn thuần	145	110
+ Basedow	00	00
+ Bướu khác	00	00
- Tổng số điều trị	145	110

Nhận xét: Bệnh nhân khám bướu cổ trong năm 2023 tăng 34,24 % so với năm 2022.

7. Phòng chống HIV/AIDS:

Nội Dung	Năm 2023	Năm 2022
- Tổng số người nhiễm HIV	533	517
- Chuyển AIDS	172	61

- Chết do AIDS	160	143
- Hiện quản lý tại cộng đồng	373	268

Nhận xét: Tổng số người nhiễm HIV hiện quản lý đến cuối năm 2023: 533

- Tử vong: 160
- Còn sống: 373, trong đó:
 - + Quản lý còn sống có mặt tại địa phương: 368
 - + Chuyển nơi khác: 05

8. Phòng chống suy dinh dưỡng:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
- Số trẻ dưới 2 tuổi	3.696	3.834
- Trẻ em < 2 tuổi được cân và theo dõi biểu đồ tăng trưởng	3.686	3.825
- Trẻ em < 2 tuổi suy dinh dưỡng theo cân nặng (%)	2.82	3,22
- Trẻ em < 2 tuổi suy dinh dưỡng theo chiều cao (%)	4.09	4,63
- Trẻ < 2 tuổi thoát SDD cân nặng	30	17
- Trẻ < 2 tuổi thoát SDD chiều cao	44	29
- Số trẻ < 5 tuổi thoát SDD cân nặng	83	44
- Số trẻ < 5 tuổi thoát SDD chiều cao	125	62
- Số trẻ < 5 tuổi thoát SDD độ III	0	00
- Số trẻ sinh trong tháng	2.049	1.536
Số trẻ sinh < 2.500g (%)	0,34	0,2

Nhận xét:

- Trẻ < 2 tuổi cân – đo: $3.686/3.696=99,73\%$ (đạt KH >99%); (vòng 2/ vòng

1)

- Trẻ SDD < 2 tuổi: $104/3.686=2,82\%$ (đạt KH < 5%) (vòng 3/ vòng 2)
- UỐNG A: $5.365/5.391=99,52\%$
- CÂN ĐO: $10.973/11.021=99,56\%$
- SDD CN/T: $496/10.973=4,52\%$
- SDD CC/T: $566/10.973=5,16\%$

9. Sức khỏe tâm thần:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
- Số BN tâm thần quản lý	427	435
+ Động kinh	169	177
+ Tâm thần phân liệt	235	258
+ Tâm thần khác	23	20
- Số BN thôi quản lý	24	06
- Số BN chết	18	10

10. Tiêm chủng mở rộng:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
- Số trẻ <1tuổi MDĐĐ	1.674	2.210
- Tiêm VAT2 thai phụ	2.553	2.210
- Tiến độ tiêm chủng (%)	96,86%	93%
- Tiêm VGSV B:		
+ Mũi 01	2.068	2.003
+ Mũi 02	1.796	2.143
+ Mũi 03	1.565	2.212
-Tiêm viêm não Nhật bản B:	2.125	2.407
-Tiêm thương hàn	00	00
-Tiêm sởi	1.661	1.710
-Tiêm VAT phụ nữ tuổi sinh đẻ	00	00

11. An toàn vệ sinh thực phẩm:

	Kế hoạch năm (cở sở)	Năm 2023 (lần)	Năm 2022 (lần)
- Số cơ sở quản lý	155	155	125
- Cơ sở được thẩm định ATVSTP		63	51
Trong đó không đạt ATVSTP		00	00
- Tổng số cơ sở được kiểm tra		138	160
Trong đó không đạt ATVSTP		05	14
- Số vụ ngộ độc thực phẩm (số người)		00	00
- Xác nhận kiến thức		155	00

Nhận xét: Trong năm 2023 số cơ sở thẩm định về ATVSTP tăng 1,24 lần so với năm 2022.

12. CSSKSS:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
- Tổng số đặt vòng	304	349
- Tổng số tháo vòng	122	141
- Tổng số người hiện tiêm thuốc TT	05	04
- Tổng số người hiện cấy thuốc TT	09	23
- Tổng số người hiện uống thuốc TT	00	32
- Tổng số người hiện dùng capot	00	00
- Tổng số triệt sản/nữ	00	00
- Tổng số nạo - hút thai/số nạo	39	50

- Tai biến KHHGD	00	00
Thủng tử cung do đặt vòng	00	00
Sốt nhau	00	00
Nhiễm trùng	00	00
- Số sảy thai	00	00
- CPR (năm)	-	-
- Số lần khám thai/số thai phụ	2.336/2.336	2.518/2.518
- Số người khám thai 3 lần	1.290	1.477
- Số người tiêm VATMD	00	00
- Tổng số lần khám phụ khoa	3.285/3.285	2.606/2.606
- Số mắc/số điều trị phụ khoa	1.694/1.694	1.372/1.372
- Tổng số sanh tại CSYT/tại nhà	20/00	47/00
- Tai biến sản khoa	00	00
+ Băng huyết sau sinh	00	00
+ Nhiễm trùng hậu sản	00	71
+ Sản giật	00	47
+ Vỡ tử cung	00	00
+ Uốn ván sơ sinh	00	00
- Tử vong mẹ do tai biến SK	00	00
- Số sơ sinh tiêm BCG	62	00
- Số bà mẹ uống vitamin A sau sinh	20	00
- Tử vong sơ sinh	00	00
- Tử vong trẻ dưới 1 tuổi	00	00
- Tử vong trẻ dưới 5 tuổi	00	00
- Tổng số xã thực hiện IMCI	00	00
- Tổng số trẻ được khám và xử trí theo IMCI	00	00

13. Phòng chống tiêu chảy:

Nội dung		Năm 2023	Năm 2022
- Số ca bệnh tiêu chảy		33	59
- Trong đó sử dụng ORS		33	43
- Số trẻ em < 5 tuổi bị tiêu		15	30

chảy			
- Trong đó sử dụng ORS		15	26
- Tiêm phòng tả		00	00
- Số người chết do tiêu chảy		00	00
- Số trẻ em < 5 tuổi chết do tiêu chảy		00	00

14. Chương trình y tế trường học:

Nội dung	Kế hoạch năm	Năm 2023	Năm 2022
- Số học sinh mẫu giáo được khám SK, tẩy giun	17 trg 4.305 hs	17trg 4.293 hs 99,7%	17 3.787 (99,11)
- Số học sinh tiểu học được khám SK, tẩy giun	21trg 14.848 hs	21 trg 14.820 hs 99,8%	21 14.919 (99,59)
- Số học sinh THCS được khám SK, tẩy giun	11 trg 10.309 hs	11 trg 10.104 hs 98%	11 trg 8.841 (98,11)
- Số trường được đo đạc về điều kiện học tập	26trg	26trg 100%	25 (100%)
- Tỷ lệ trường có hồ xí đủ cho học sinh	26trg	26trg 100%	25 (100%)
- Giám sát chương trình nha học đường, nội dung 2	21trg	21trg 100%	21trg (100%)
Số trường được kiểm tra YTHĐ	26trg	26trg 100%	25 (100%)

15. Chương trình Y tế lao động:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
- Số cơ sở <200 CN quản lý	20	23
- Số cơ sở đo đạc môi trường lao động.	00	00
- Số cơ sở có y tế	20	05
- Số cơ sở có khám sức khỏe định kỳ: TS khám/quản lý	04	23/23
- Số cơ sở có tập huấn sơ cấp cứu	00	00
- Số vụ ngộ độc hóa chất BVTV	00	00
- Số người ngộ độc hóa chất BVTV	00	00

- Số buổi tuyên truyền về hóa chất BVTV	02	05
---	----	----

16. Chương trình tai nạn thương tích:

Nội dung		Năm 2023	Năm 2022
- Số người bị tai nạn		1.209	1.317
Giao thông		680	769
Sinh hoạt		499	505
Lao động		30	43
- Tử vong		00	00

17. Chương trình vitamin A:

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
- Trẻ 06 - 36 tháng tuổi uống được		
+ Vòng I:	$5.883/5.919 = 99,39\%$	Không triển khai
+ Vòng II:	$5.365/5.391 = 99,52\%$	$6.208/6.239 = 99,5\%$

18. Hoạt động trạm y tế xã:**a. Hoạt động khám chữa bệnh:**

Đơn vị thực hiện	Năm 2023	Năm 2022
Cộng của các trạm y tế xã	79.764	103.198
- Khám bệnh thông thường	14.487	4.823
- Khám BHYT thường	29.256	43.285
- Khám BHYT người nghèo (HN)	6.178	30.647
- Khám BHYT người cận nghèo (CN)	5.870	2.999
- Khám BHYT trẻ dưới 6 tuổi (TE)	6.204	4.451
- Khám BHYT đối tượng chính sách (TC, KC, CK, CC, HT, BT)	5.298	2.560
- Số thai phụ sinh	00	00
- Khám các bệnh khác (phụ khoa)	2.527	1.981
- Khám YHCT (lần) + TS thang thuốc hốt (thang) + TS châm cứu, bấm huyệt (lần)	10.043	15.451

b. Tình hình thực hiện công tác YHCT:

Nội dung		Thực hiện
Điều trị nội trú		
- Tổng BN điều trị nội trú	BN/ngày	00
Trong đó: Điều trị bằng thuốc	BN/ngày	00
- Tổng số thang thuốc hốt	BN/ngày	00
Điều trị ngoại trú		
- Tổng số BN điều trị ngoại trú	BN/ngày	11.531
Trong đó: Điều trị bằng thuốc	BN/ngày	
- Tổng số thang thuốc hốt	BN/ngày	9.257

c. Kết quả đánh giá Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã năm 2023:

Stt	Tên xã	Tiêu chí										
		Điểm đạt	1 (14)	2 (10)	3 (12)	4 (9)	5 (19)	6 (12)	7 (6)	8 (11)	9 (3)	10 (4)
1	Thị Trấn	95.5	14	9	12	8.5	17.5	12	6	10	3	3.5
2	Long Hòa	95.5	14	9	12	8.5	17.5	12	6	10	3	3.5
3	Mỹ Lệ	93.5	14	8	12	7.5	17.5	12	6	10	3	3.5
4	Tân Lâm	92	14	9	12	7.5	16	10.5	6	10	3	4
5	Long Khê	91	14	9	12	8	16.5	10	5	10	3	3.5
6	Long Trạch	91	14	10	12	8	15	10	5.5	10	3	3.5
7	Long Định	89	14	7	11	6	19	10	5.5	10	3	3.5
8	Phước Vân	88.5	14	7	10	7	17	12	5	10	3	3.5
9	Long Hựu Tây	88	14	10	10	7	16	9	5	10	3	4
10	Phước Đông	88	14	7	11	6	17	11	5	10	3	4
11	Long Sơn	88	14	8	12	5.5	16	11	5	10	3	3.5
12	Phước Tuy	87.5	12	8	12	6	15	12	6	10	3	3.5
13	Tân Trạch	86.5	14	7	12	6	16.5	10	5	9.5	3	3.5
14	Long Hựu Đông	86.5	14	9	10	5	15	12	5	10	3	3.5
15	Long Cang	84	14	8	10	5.5	16	9	5	10	3	3.5
16	Tân Chánh	84	14	7	9	6	17	10	5	9.5	3	3.5
17	Tân Ân	82.5	14	7	10	6	15	9	5	10	3	3.5

Phụ lục 2: Tổng kết các chỉ tiêu hoạt động của hệ điều trị

1. Điều trị:

1.1. Bệnh viện:

a. Khám bệnh:

- Tổng số khám bệnh: 223.181, tương đương 119,51% so với cùng kỳ năm 2022 (186.739).

- Kế hoạch: 188.606, đạt 118,33% so với kế hoạch.

b. Điều trị nội trú:

- Số người điều trị nội trú:

+ Thực hiện: 4.407, tương đương 79,01% so với cùng kỳ năm 2022 (5.578)

+ Kế hoạch: 6.346, đạt 69,44% so với kế hoạch.

- Số ngày điều trị nội trú:

+ Thực hiện: 29.491, tương đương 95,58% so với cùng kỳ năm 2022 (30.856).

+ Kế hoạch: 35.790, đạt 82,40% so với kế hoạch.

- Công suất sử dụng giường bệnh:

+ Thực hiện: 50,50%, tương đương 95,57% so với cùng kỳ năm 2022 (52,84%).

+ Kế hoạch: >61,28%, đạt 82,40% so với kế hoạch.

+ Số lượt khám bệnh tăng so với năm 2022, số người bệnh điều trị nội trú, ngày điều trị và công suất sử dụng giường bệnh của năm 2023 giảm hơn so với năm 2022.

c. Người bệnh cấp cứu:

- Tổng số người bệnh cấp cứu:

+ Thực hiện: 3.465, tương đương 137,99% so với cùng kỳ năm 2022 (2.511).

- Tử vong: 06cas (tử vong trước 24 giờ sau nhập viện: 05 cas).

So với 04 cas tử vong trước 24 giờ sau nhập viện của năm 2022.

d. Người bệnh nghèo:

- Tổng số BN nghèo điều trị BHYT (Nội trú - Ngoại trú): 806.

- Tổng số TE dưới 06 tuổi khám bệnh: 4.582.

Số tiền miễn giảm: 516.889.641VNĐ.

- Tổng số TE dưới 06t ĐT nội trú: 179.

Số tiền miễn giảm: 151.365.389VNĐ.

- Số người bệnh trốn viện: 63.

Số tiền thất thu do trốn viện: 53.507.599VNĐ.

e. Người bệnh BHYT:

Tổng số lượt BN khám, điều trị BHYT: 135.468.

{Tương đương 123,07% so với cùng kỳ năm 2022 (110.073)}.

f. Tình hình phẫu thuật:

Tổng số phẫu thuật: 2.312. Trong đó:

Loại II: 00.

Loại III: 1.124.

Khác: 1.188.

Tương đương 96,98% so với cùng kỳ năm 2022 (2.384).

g. Hoạt động cận lâm sàng:

- X- Quang:

+ Thực hiện: 14.721, tương đương 10,73% so với cùng kỳ năm 2022 (14.614).

+ Kế hoạch: 14.760, đạt 99,74% so với kế hoạch.

- Siêu âm:

+ Thực hiện: 10.545, tương đương 101,21% so với cùng kỳ năm 2022 (10.419).

+ Kế hoạch: 10.523, đạt 100,21% so với kế hoạch.

- Điện tim:

+ Thực hiện: 12.628, tương đương 111,57% so với cùng kỳ năm 2022 (11.318).

+ Kế hoạch: 11.431, đạt 110,47% so với kế hoạch.

- Nội soi:

+ Thực hiện: 272, tương đương 127,10% so với cùng kỳ năm 2022 (214).

+ Kế hoạch: 216, đạt 125,93% so với kế hoạch.

- Xét nghiệm:

+ Thực hiện: 103.415, tương đương 113,38% so với cùng kỳ năm 2022 (91.207).

+ Kế hoạch: 92.119, đạt 112,26% so với kế hoạch.

**** Nhận xét:** Nhìn chung các hoạt động cận lâm sàng đều tăng so với cùng kỳ năm 2022 do tình hình dịch Covid-19 ổn định.

1.2. Cơ sở 2:

a. Khám bệnh

- Tổng số khám bệnh: 19.448, tương đương 106,36% so với cùng kỳ năm 2022 (18.285).

- Kế hoạch: 19.000, đạt 102,36% so với kế hoạch.

b. Điều trị nội trú:

- Số người điều trị nội trú:

+ Thực hiện: 933, tương đương 107,49% so với cùng kỳ năm 2022 (868).

+ Kế hoạch: 1.000, đạt 93,3% so với kế hoạch.

- Số ngày điều trị nội trú:

+ Thực hiện: 2.002, tương đương 98,70% so với cùng kỳ năm 2022 (2.029).

+ Kế hoạch: 5.000, đạt 40,04% so với kế hoạch.

- Công suất sử dụng giường bệnh:

+ Thực hiện: 18,28%, tương đương 98,65% so với cùng kỳ năm 2022 (18,53%).

+ Kế hoạch: >45%, đạt 40,62% so với kế hoạch.

**** Nhận xét:** Các chỉ tiêu khám chữa bệnh của Cơ sở 2 đều tăng so với năm 2022 nhưng vẫn ở mức thấp do cơ sở đang xây dựng và sửa chữa.

c. Người bệnh cấp cứu:

- Tổng số người bệnh cấp cứu:

+ Thực hiện: 653, tương đương 102,35% so với cùng kỳ năm 2022 (638).

- Tử vong: 00 cas (tử vong trước 24 giờ sau nhập viện: 00 cas).

d. Người bệnh nghèo:

+ Tổng số BN nghèo điều trị BHYT (Nội trú - Ngoại trú): 219.

+ Tổng số TE dưới 06 tuổi khám bệnh: 435.

Số tiền miễn giảm: 29.567.1006VNĐ.

+ Tổng số TE dưới 06 tuổi ĐT nội trú: 08.

Số tiền miễn giảm: 3.048.448VNĐ.

+ Số người bệnh trốn viện: 00.

Số tiền thất thu do trốn viện: 00VNĐ .

e. Người bệnh BHYT:

Tổng số BN khám, điều trị BHYT: 16.987.

{Tương đương 105,54% so với cùng kỳ năm 2022 (16.095)}.

f. Tình hình phẫu thuật:

Tổng số phẫu thuật: 825. Trong đó:

Loại II: 00.

Loại III: 266.

Khác: 559.

Tương đương 90,46% so với cùng kỳ năm 2022 (912).

****Nhận xét:** Tình hình phẫu thuật tương đương với năm 2022 đa số là tiểu phẫu thuật.

g. Hoạt động cận lâm sàng:

- X- Quang:

+ Thực hiện: 310, tương đương 37,58% so với cùng kỳ năm 2022 (825).

+ Kế hoạch: 850, đạt 36,47% so với kế hoạch.

- Siêu âm:

+ Thực hiện: 155, tương đương 88,57% so với cùng kỳ năm 2022 (175).

+ Kế hoạch: 200, đạt 77,5% so với kế hoạch.

- Điện tim:

+ Thực hiện: 1.113, tương đương 102,77% so với cùng kỳ năm 2022 (1.083).

+ Kế hoạch: 1.100, đạt 101,18% so với kế hoạch.

- Xét nghiệm:

+ Thực hiện: 3.435, tương đương 112,99% so với cùng kỳ năm 2022 (3.040).

+ Kế hoạch: 4.250, đạt 80,82% so với kế hoạch.

****Nhận xét:** Đa số cận lâm sàng của Cơ sở 2 năm 2023 tương đương so năm 2022, nhưng vẫn ở mức thấp.